

Nguyệt san

Số 04 - bộ mới
312 (số cũ)

10/2025



Đắc Lắc

Nguyệt san

CƠ QUAN CỦA ĐẢNG BỘ
ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ĐẮC LẮK
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG
CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮC LẮK

Số 04 - bộ mới
32 (bát cổ)
10/2025

TRONG SỐ NÀY

THEO DÒNG THỜI SỰ

Hà Nội - Một trái tim hồng	2
Nhà tù Hỏa Lò - Chứng nhân lịch sử về lòng yêu nước	3
Trang sử bi tráng từ bài ca “Bà mẹ Gio Linh”	4-5
Sức mạnh của phụ nữ thời nay	6-7

TIÊU ĐIỂM

Chuyển đổi số là con đường tất yếu	10-11
Ứng dụng số để thúc đẩy xuất khẩu	12
Doanh nghiệp trẻ và khởi nghiệp số	14-15

VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

Giàu đẹp từ thẳm sâu lịch sử	16-17
Khi cơn bão đi qua	21

PHÓNG SỰ - KÝ SỰ

Nhớ gió sông Hồng...	22-23
Mối thâm tình Chăm và Chu Ru	24-25

• Tổng Biên tập:

ĐÀO PHẠM HOÀNG QUYÊN

• Giấy phép xuất bản số 31/GP-BTTTT ngày 21/01/2022 của Bộ TT-TT-ISSN 8868

• Tòa soạn: 23 Lê Duẩn
- P. Buôn Ma Thuột - Đắc Lắc

• Điện thoại: (0262).3852383
- 3810414

• Email: toasoan.baodaklak@gmail.com

• In tại Công ty TNHH Một thành viên In Đắc Lắc

• Số lượng in 5.000 tờ

• Khuôn khổ 21X29 cm • 32 trang

• Giá: 15.000 đồng

Ảnh bìa 1:

Doanh nghiệp chuyển đổi số

Trình bày: Công Định

“Dù có đi bốn phương trời, lòng vẫn nhớ về Hà Nội” - câu hát ấy như lời nhắn gửi tha thiết của bao người con đất Việt dành cho Thủ đô ngàn năm văn hiến. 71 năm đã trôi qua kể từ ngày những đoàn quân chiến thắng tiến về tiếp quản Thủ đô, giải phóng Hà Nội (10/10/1954), nhưng tinh thần bất khuất và ý chí tự lực tự cường từ “mùa thu lịch sử” vẫn vẹn nguyên, trở thành nguồn động lực to lớn tiếp thêm sức mạnh để Hà Nội vững bước trong thời kỳ hội nhập.

TỪ MÙA THU LỊCH SỬ

Cách đây 71 năm, sáng 10/10/1954, Ủy ban Quân chính thành phố cùng các đơn vị quân đội chia làm nhiều cánh quân tiến vào Hà Nội. Trên khắp các ngã đường, hơn 40 vạn người dân Thủ đô trong rừng cờ hoa rực rỡ hân hoan chào đón đoàn quân chiến thắng. Tiếng hát, tiếng cười hòa cùng những giọt nước mắt hạnh phúc, làm nên bức tranh rực rỡ của niềm vui độc lập. Đến 15 giờ cùng ngày, lễ chào cờ lịch sử được tổ chức trang trọng tại Sân vận động Cột Cờ. Lá cờ đỏ sao vàng tung bay giữa bầu trời mùa thu Hà Nội - biểu tượng thiêng liêng của tự do, hòa bình và niềm kiêu hãnh dân tộc.

Ngày Giải phóng Thủ đô 10/10/1954 đã đi vào lịch sử dân tộc như một mốc son chói lọi, đánh dấu thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp, chấm dứt gần 1 thế kỷ đô hộ, mở ra kỷ nguyên độc lập, tự chủ và kiến thiết đất nước. Ngày Giải phóng Thủ đô không chỉ là một chiến thắng quân sự, mà còn là khởi đầu của hành trình dựng xây mới - hành trình để Hà Nội, từ trong gian khó, trở lại là trái tim của cả nước, nơi hội tụ ý chí, niềm tin và khát vọng vươn lên.

71 năm đã qua, nhưng ý nghĩa của Ngày Giải phóng Thủ đô vẫn vẹn nguyên giá trị. Đó không chỉ là



HÀ NỘI

Màn thực cảnh “Ngày về chiến thắng” tại khu vực hồ Hoàn Kiếm trong chương trình “Ngày hội Văn hóa vì hòa bình” chào mừng kỷ niệm 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô.

Ảnh: Việt Thành

- Một trái tim hồng

HÀ MY

ký ức của quá khứ hào hùng, mà còn là nguồn sức mạnh tinh thần để các thế hệ hôm nay tiếp bước. Giữa dòng chảy đổi thay của thời đại, Hà Nội vẫn mang trong mình trách nhiệm viết tiếp những trang sử vàng bằng trí tuệ, bản lĩnh và sáng tạo.

ĐẾN KHÁT VỌNG PHÁT TRIỂN

Sau 71 năm kể từ Ngày Giải phóng, Hà Nội đã hiện thực hóa khát vọng phát triển bằng những bước chuyển mình mạnh mẽ - là một đô thị hiện đại, văn minh, giàu bản sắc.

Từ một địa phương nhỏ bé, nghèo nàn với diện tích chỉ khoảng 152 km² và 43 vạn dân, nay Hà Nội đã trở thành đô thị rộng gần 22 lần, dân số tăng hơn 23 lần, với hạ tầng cơ sở ngày càng khang trang, hiện đại. Những tuyến đường cao tốc, cây cầu nối liền đôi bờ sông Hồng, các khu đô thị văn minh, công trình tầm vóc quốc gia... là minh chứng sống động cho sức bật mạnh mẽ của Thủ đô - một thành phố hòa bình, sáng tạo và đáng sống.

Song song với phát triển, Hà Nội vẫn bền bỉ giữ gìn, lan tỏa những giá trị văn hóa ngàn năm. Từ 36 phố phường cổ kính đến nét thanh lịch, tinh tế của người Tràng An; từ Hồ Gươm, Tháp Rùa, mái ngói rêu phong đến tiếng rao đêm thân thuộc, hương cốm mùa thu dịu ngọt - tất cả làm nên một Hà Nội vừa cổ kính, vừa hiện đại, vừa bình dị, vừa kiêu hãnh.

Ngày nay, Hà Nội đang vươn mình mạnh mẽ trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, xứng đáng là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa của cả nước - biểu tượng của khát vọng vươn lên và niềm tự hào Việt Nam.

Với niềm tự hào về Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, anh hùng; với khát vọng mãnh liệt xây dựng Thủ đô văn minh, hiện đại, hạnh phúc; với quyết tâm “Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Đổi mới - Phát triển”, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân Thủ đô đang tiên phong cùng cả nước bước vào kỷ nguyên mới - kỷ nguyên phát triển thịnh vượng, hùng cường của dân tộc Việt Nam.

NHÀ TÙ HỎA LÒ – Chứng nhân lịch sử về lòng yêu nước

 **VIỆT AN**

Trong không gian thanh bình của mùa thu Hà Nội, di tích Nhà tù Hỏa Lò (số 1 Hỏa Lò, phường Trần Hưng Đạo, Hà Nội) hiện diện như một chứng nhân lịch sử đặc biệt, kể lại câu chuyện về lòng yêu nước và khát vọng tự do của dân tộc Việt Nam.

"ĐỊA NGỤC TRẦN GIAN"

Di tích lịch sử cấp quốc gia Nhà tù Hỏa Lò thuộc làng Phụ Khánh xưa, nổi tiếng với nghề làm ấm đất, siêu đất và các loại hỏa lò bằng đất nung. Khi thực dân Pháp chiếm Hà Nội vào cuối thế kỷ 19, họ di dời dân làng, phá bỏ chùa chiền để xây dựng Nhà tù Trung ương (Maison Centrale) - công trình giam giữ kiên cố bậc nhất Đông Dương thời bấy giờ.

Bao quanh nhà tù là bức tường đá cao 4 m, dày 0,5 m, phía trên gắn mảnh chai và chằng dây điện cao thế; dưới chân tường là lối tuần tra cho lính gác. Bốn góc có tháp canh, có thể quan sát toàn bộ trại giam và xung quanh. Bên trong khu nhà kiên cố ấy là hệ thống phòng giam chật chội, ẩm thấp, tối tăm; những chiếc cùm sắt lạnh buốt, những song sắt nặng nề và bầu không khí đặc quánh mùi ẩm mốc. Chính kết cấu kiên cố, khép kín ấy khiến nơi đây ngột ngạt đến nghẹt thở.

Thế nhưng, từ trong "địa ngục trần gian" ấy, những người cộng sản kiên trung như Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn, Hoàng Quốc Việt, Nguyễn Thị Định, Nguyễn Thị Quang Thái... đã biến nhà tù thành "trường học cách mạng", cùng nhau học tập, truyền bá lý luận, giữ vững niềm tin vào thắng lợi cuối cùng. Họ đã vượt



Cổng chính di tích Nhà tù Hỏa Lò. Ảnh: V. An

qua nỗi đau thể xác bằng lý tưởng cao cả, biến nhà giam thành nơi rèn luyện ý chí và hun đúc tinh thần dân tộc. Nhà tù Hỏa Lò vì thế không chỉ là nơi giam giữ, mà còn là ngọn lửa của niềm tin, là biểu tượng cho sức mạnh bất khuất của con người Việt Nam trong mọi hoàn cảnh.

Ngày nay, di tích Nhà tù Hỏa Lò, nơi từng là "địa ngục trần gian" một thời trở thành không gian lịch sử, giúp mỗi người tìm về quá khứ bằng tất cả giác quan và cảm xúc. Những hiện vật còn lại - từ chiếc cùm sắt, bộ quần áo tù, những bức ảnh đen trắng, bản đồ, đến những dòng tư liệu cũ - được sắp đặt có chủ ý, khiến du khách như nghe thấy cả tiếng thời gian vọng lại từ những bức tường đá.

"ĐỊA CHỈ ĐỎ" GIÁO DỤC TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC

Không chỉ dừng lại ở giá trị lịch sử, Nhà tù Hỏa Lò ngày nay còn là "địa chỉ đỏ" trong hành trình giáo dục truyền thống yêu nước. Mỗi người đến đây không chỉ để tìm hiểu quá khứ, mà còn để cảm nhận sâu sắc hơn giá trị của hòa bình và tự do.

Những năm gần đây, Ban Quản lý di tích Nhà tù Hỏa Lò đã không ngừng đổi mới hình thức trưng bày và tổ chức nhiều hoạt động sáng tạo nhằm đưa lịch sử đến gần hơn với công chúng. Nổi bật trong số đó là chương trình tour trải nghiệm "Đêm thiêng liêng - Sáng ngời tinh thần Việt". Dưới ánh sáng vàng ấm, trong không gian tĩnh lặng của di tích về đêm, người dẫn chuyện kể lại những câu chuyện về các chiến sĩ kiên trung, về tình đồng đội trong ngục tối, về niềm tin không bao giờ tắt... Nội dung thuyết minh được hỗ trợ bằng nhiều hoạt cảnh và những thước phim tư liệu quý, kết hợp âm thanh, ánh sáng, khiến mỗi bước chân của du khách như được dẫn dắt vào một hành trình đặc biệt - nơi quá khứ hiện lên sống động, thiêng liêng và đầy cảm xúc.

Không ít bạn trẻ, sau chuyến tham quan đã chia sẻ cảm nhận, đến đây, họ mới thật sự hiểu tự do không tự nhiên mà có, hòa bình không tự nhiên mà đến. Đó là thành quả của bao thế hệ đã dám hy sinh vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân.

TRANG SỬ BI TRẮNG

từ bài ca “Bà mẹ Gio Linh”

LÊ ĐỨC DỤC

Bài hát “Bà mẹ Gio Linh” của nhạc sĩ Phạm Duy diễn tả nỗi đau của người mẹ khi không chỉ đau đứa con hy sinh, còn thêm nỗi đau con bị giặc chặt đầu tàn bạo, nỗi đau khi mẹ ôm chiếc thúng tre ra giữa chợ, nơi giặc đang bêu đầu con để ôm thủ cấp đứa con mình đã mang nặng đẻ đau về chôn giấu!

Khi viết bài hát này, nhạc sĩ Phạm Duy đi theo một đoàn văn nghệ kháng chiến về thực tế ở Gio Linh. Nghe được câu chuyện đau

thương ấy, tìm gặp được mẹ Diêu Châu, ông đã kể rằng: “Đêm đó, tôi trở về nằm lẫn trên một cái giường nửa ở một cánh rừng không tên trên chiến khu Quảng Trị, rồi tôi đã khóc rưng rức khi ngồi dậy và viết ra những câu ca đầu tiên của bài hát. Lúc đó tôi cũng nghĩ đến mẹ tôi...”

TỪ BÀI CA KHÁNG CHIẾN

Tôi về làng Mai Xá hy vọng tìm được chút dấu tích hai liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ và Nguyễn Văn Phi và hơn cả là tìm lại hình ảnh của bà mẹ Gio Linh đã trở nên bất tử như một huyền thoại.

Tấm bằng Tổ quốc ghi công của hai liệt sĩ bị giặc Pháp chặt đầu ấy được cháu con trân trọng treo trên bàn thờ gia tộc. Trên bàn thờ của

gia đình liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ có cả di ảnh của mẹ anh, mẹ Diêu Châu - người đã khơi nguồn cảm xúc để nhạc sĩ viết nên bài ca bi tráng “Bà mẹ Gio Linh”: “Mẹ già cuốc đất trồng khoai, nuôi con đánh giặc đêm ngày, cho dù áo rách sờn vai, cơm ăn bát vơi bát đầy. Mẹ già tưới nước trồng rau, nghe tin xóm làng kêu gào, quân thù đã bắt được con, mang ra giữa chợ cắt đầu, nghẹn ngào không nói một câu, mang khăn gói đi lấy đầu”...

Bài ca ấy của nhạc sĩ Phạm Duy đã từng vang lên suốt thời kháng chiến chống Pháp, đã tiếp thêm sức mạnh cho những người dân làng Mai Xá, những du kích, vệ quốc quân xông lên, cùng cuộc kháng chiến đi đến ngày thắng lợi.



Đình làng Mai Xá Chánh, nay thuộc xã Gio Linh, tỉnh Quảng Trị. Ảnh: Đ. Dục



Con gái mẹ Diêu Châu ôm di ảnh mẹ mình (ảnh chụp năm 2015).

Ảnh: Đ. Dục

Trong hồi ức của mình, nhạc sĩ Phạm Duy từng kể rằng: “Từ Quảng Bình, tôi tới làng Gio Linh ở Quảng Trị. Gặp một bà mẹ có người con đi dân quân bị giặc bắt và bị giặc chặt đầu treo giữa chợ. Không ai dám lấy cái đầu anh dân quân xuống để đem đi chôn. Bà mẹ lẳng lặng đi lấy đầu con, bỏ vào khăn gói mang về. Tôi kể câu chuyện đó qua một bài dân ca với kết luận là sau khi hy sinh người con độc nhất cho kháng chiến, bà sẽ có hàng trăm con nuôi là những người đi bộ đội. Bài này nói tới bi hùng chứ không phải nói tới bi lụy”. (Phạm Duy - *Một đời nhìn lại*)

Giờ đây, trên bàn thờ của ngôi nhà thờ họ Nguyễn Đức để trang trọng tấm bằng Tổ quốc ghi công số hiệu NC 258 theo Quyết định số 779/TTg ngày 19/7/1978 ghi rõ: “Liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ, Xã đội trưởng, nguyên quán xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, tháng 8 năm 1948”. Bên cạnh tấm bằng của liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ là một tấm bằng Tổ quốc ghi công khác ghi tên liệt sĩ Nguyễn Đức Thùy, em trai của liệt sĩ Kỳ là “Chính trị viên đại đội Quân đội nhân dân Việt Nam, đã hy sinh trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ngày 9 tháng 10 năm 1952”. Và giữa hai tấm bằng Tổ quốc ghi công của hai người con là di ảnh của mẹ Lê Thị Châu.

Câu chuyện về mẹ Diêu Châu vẫn được con cháu của bà ngày nay kể lại: Mẹ Lê Thị Châu có chồng tên là Nguyễn Diêu nên dân làng quen gọi là mẹ Diêu Châu. Nhà mẹ có nghề ấp trứng vịt, cung cấp trứng ra khắp cả vùng, ra tận Vĩnh Linh, Lệ Thủy. Anh Nguyễn Đức Kỳ khi đó là xã đội trưởng nổi tiếng gan dạ; giặc Pháp

từ mấy đồn Nhị Hạ, chợ Cầu, Mai Xá bao lần lùng bắt mà không được. Thế rồi anh Kỳ sa vào tay giặc trong trận ruồng bố vào thôn Lâm Xuân, cạnh làng Mai Xá. Cũng đêm đó, quân Pháp ở đồn bắt được anh Nguyễn Văn Phi ở khu vực miếu Đồi ngoài cánh đồng Mai Xá. Giặc đem cả hai anh về đồn tra khảo mấy ngày đêm rồi hành quyết, đem cắt đầu thị uy, uy hiếp dân làng. Khi hay tin anh Kỳ bị giặc chặt đầu đem bêu ở đình làng, mẹ Diêu Châu cùng người con dâu Khương Thị Mến cấp thúng đi ra đình, bảy giờ thủ cấp của hai anh đã được bọn giặc dờn từ sân đình ra bến Đò trước chợ...

Cùng với mẹ Diêu Châu ra chợ mang đầu con mình về là bà Hoàng Thị Sáng, mẹ của anh Phi đi cùng với người em dâu là Bùi Thị Con. Những bà mẹ ấy lặng lẽ gỡ đầu con ra khỏi cọc bỏ vào thúng nách về. Định cho quân lùng sục. Cả hai gia đình đều mang thủ cấp con mình cất lên “tra” (tức cái sào gỗ trên nóc trần nhà, nơi những ngôi nhà dân vùng này ngày xưa làm nơi cất giữ hạt giống ngô, thóc...). Đợi khi giặc rời làng về đồn, đêm xuống, gia đình đưa thủ cấp anh Nguyễn Đức Kỳ đựng trong chiếc hộp gỗ đi chôn ở vùng cồn Go của làng Mai Xá Thị, còn đầu của anh Nguyễn Văn Phi được chôn ở nghĩa địa cồn Dài, xóm Kênh, làng Mai Xá Chánh.

HUYỀN SỬ ĐƯỢC CẤT GIỮ

Đưa tôi ra khu lăng mộ gia đình, nơi chôn cất liệt sĩ Nguyễn Văn Phi, anh Bùi Quốc Dũng - cháu gọi liệt sĩ Phi bằng cậu ruột kể rằng: “Ngày đó, thủ cấp cậu Phi chôn cất ở đây nhưng phần thân thể còn lại thì bị giặc chôn ở một hố chôn tập thể. Gần cuối cuộc kháng chiến chống Pháp, khi giặc Pháp bắt đầu núng thế, ông ngoại tôi mới lần dò tìm ra nơi giặc chôn phần thân cậu Phi, từ đó cắt bốc về ghép với thủ cấp của cậu cho nguyên vẹn hài cốt rồi an táng tại đây”.

Trong khu mộ gia đình nằm ở cồn Dài, mộ của liệt sĩ Phi được chôn phía sau mộ của bố mẹ mình là ông Nguyễn Sửu và bà Hoàng Thị Sáng, ghi rõ ngày hy sinh của liệt sĩ Nguyễn Văn Phi là 16/8/1948. Hỏi ra liệt sĩ Nguyễn Văn Phi hồi đó cũng đã có vợ tên Man, người quê bên vùng Dương Xuân, Triệu Phước (Triệu Phong). Khi anh Phi hy sinh, chị Man ở vậy đến mãn tang chồng, phụng dưỡng bố mẹ chồng khuất núi mới về quê cũ đi bước nữa.

Bây giờ cũng như liệt sĩ Nguyễn Đức Kỳ, tấm bằng Tổ quốc ghi công của liệt sĩ Nguyễn Văn Phi đang được thờ tự ở nhà thờ họ Nguyễn trong làng Mai Xá Chánh.

Nhắc nhớ về sự hy sinh của các liệt sĩ, về câu chuyện ôm khăn gói đi lấy đầu con của mẹ Diêu Châu, mẹ Sáng để biết rằng những người mẹ, những đứa con đã đi vào âm nhạc ấy, vào ca khúc lay động tâm can hàng triệu người Việt ấy chính là những con người có thật, bi tráng và cụ thể chứ không hề là câu chuyện kỳ ảo... Cuộc đời phi thường và sự hy sinh cao cả của các mẹ, các anh đã trở thành huyền thoại trong lòng nhân dân.



Chị Nguyễn Thị Thu tham gia tổ chức hoạt động trung thu cho trẻ em buôn T'Lung, xã Ea Kar.

Ảnh do nhân vật cung cấp

Sức mạnh của phụ nữ thời nay

KHANG ANH

Phụ nữ thường được gọi là “phái yếu”, bởi sự dịu dàng, mềm mại và tinh tế. Nhưng ẩn sâu trong họ là ý chí, nghị lực và sự kiên cường. Họ không chỉ là điểm tựa của gia đình mà còn là nguồn cảm hứng của xã hội - những bông hoa tỏa hương giữa đời thường bằng tình yêu thương, sự sẻ chia và khát vọng cống hiến.

Truuyền thống tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam luôn được gìn giữ, phát huy. Ngày nay, nhiều phụ nữ làm kinh tế giỏi, vừa chu toàn trong vai trò hậu phương vững chắc cho gia đình, vừa góp sức cho xã hội.

BÔNG HOA GIỮA ĐỜI THƯỜNG

Gặp chị Trịnh Thị Hồng Phương ở phường Bình Kiến, vào một ngày nắng gắt, nhưng nụ cười rạng rỡ, dịu dàng của chị đủ giúp tôi cảm nhận được năng lượng tích cực của người phụ nữ năng động, hoạt bát. Sau nhiều năm gắn bó với nghề may, chị mạnh dạn chuyển sang

làm bánh vì niềm đam mê. Gần 10 năm qua, nghề bánh đã trở thành nguồn thu nhập chính, giúp chị nuôi con ăn học, trang trải cuộc sống và có điều kiện làm việc thiện.

Đặc biệt trong 8 năm qua, chị Phương không chỉ là thành viên của Câu lạc bộ Phụ nữ khởi nghiệp ở địa phương mà còn là thành viên của Nhóm thiện nguyện Đom Đóm. Mỗi ngày chị đều đến quán cơm miễn phí Tâm An để lấy cơm phát cho các cụ già neo đơn ở các khu phố. Chị cũng tự lập ra bếp ăn An Vui. Ở đây, chị và các chị em, bạn bè gom góp tiền, góp công nấu ăn, hỗ trợ người nghèo, bệnh nhân ở các bệnh viện trên địa bàn

phường Tuy Hòa, Bình Kiến.

Chia sẻ về công việc hiện tại, người phụ nữ sinh năm 1978 không ngần ngại nói, chị luôn phấn đấu mỗi ngày, ưu tiên cho công việc làm kinh tế, chăm sóc gia đình; thời gian còn lại thì làm công tác xã hội, giúp đỡ người nghèo và cũng không quên chăm chút bản thân. Chị Phương cũng tự tạo niềm vui cho mình bằng cách chăm sóc vườn sen đá tại nhà, đây cũng chính là cách giúp chị thư giãn, tạo động lực cho những ngày làm việc mới, từ đó chị nhận thấy cuộc sống thú vị hơn. “Mọi thứ không phải tự nhiên mà có. Mỗi phụ nữ phải làm việc, phải có công việc gì đó ổn định dù thu nhập ít hay nhiều. Phụ nữ hãy tạo niềm vui, tinh thần tích cực thì mới chia sẻ, mang lại niềm vui, hạnh phúc cho người khác, đồng thời thu hút được nhiều người cùng đồng hành với mình. Tôi luôn nhìn vào sự ngoan hiền của các con, hạnh phúc của gia đình, sự chín chu của bản thân và những gì mình đã cho đi để vươn lên và đón nhận sự bình an”, chị Phương bộc bạch.

LAN TỎA PHONG TRÀO, VUN BỒI HẠNH PHÚC

Chị Nguyễn Thị Phương, Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn 1b, xã Ea Mđroh (huyện Cư M'gar cũ) xuất thân từ gia đình nông dân. Chị cần cù làm kinh tế từ trồng trọt, buôn bán nông sản, mỗi năm thu nhập khoảng 500 triệu đồng - con số không nhỏ ở vùng nông thôn. Theo chị, tuy tài chính không nhiều nhưng đó là nguồn ổn định, giúp chị tự tin, lo cho bản thân, gia đình và hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn.

Giỏi làm kinh tế, chị Phương được người dân trong thôn tin tưởng, mời tham gia công tác phụ nữ ở địa phương. Làm việc ở Hội LHPN thôn 1b từ năm 2016, mới đây, chị được đề cử làm Phó Bí thư Chi bộ, Trưởng thôn 1b, xã Ea Mđroh. Công tác tốt, chị đã nhiều lần nhận bằng khen, giấy khen của Hội LHPN tỉnh, UBND huyện (cũ) và UBND xã. Mới đây, chị vinh dự

được Trung ương Hội tặng Bằng khen về thành tích triển khai thực hiện cuộc vận động “5 không, 3 sạch” tại thôn 1b.

Hơn 10 năm qua, chị Phượng đã lan tỏa, cùng chị em trong thôn tích cực tuyên truyền, vận động để các gia đình cùng thực hiện Cuộc vận động “5 không, 3 sạch”. Nhờ đó, 98% hộ trong thôn đạt “5 không, 3 sạch”, 80% hộ đạt “5 có, 3 sạch”; trong thôn không có bạo lực gia đình, trẻ em đều được đến trường. Các gia đình thực hiện nghiêm chỉnh sách dân số; 18 hộ nghèo đã vươn lên thoát nghèo bền vững. Chị đã cùng các chị em gây dựng, chăm sóc những tuyến đường hoa, dọn dẹp vệ sinh để những tuyến đường không còn rác thải; sẻ chia với những mảnh đời, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em mồ côi... Những việc làm của chị đã góp phần giúp các gia đình xây dựng hạnh phúc, tiếp thêm niềm tin cho phụ nữ và lan tỏa những giá trị văn hóa đẹp đẽ ở các gia đình, thôn xóm; làm đổi thay diện mạo nông thôn ngày nay.

Chị Nguyễn Thị Phượng tâm sự: “Sức mạnh, động lực giúp tôi đảm đương công việc đến ngày hôm nay là nhờ sự hỗ trợ từ gia đình, uy tín của bản thân, không ngừng vượt qua khó khăn để làm tròn trách nhiệm mà gia đình, xã hội đã tin tưởng giao. Sức mạnh ấy còn đến từ sự vững vàng trong nội tâm, sự tự tin và khả năng tạo dựng cuộc sống hạnh phúc mà không dựa dẫm vào người khác. Tôi mong các chị em hãy lan tỏa những điều tốt đẹp, để mỗi mái ấm gia đình trở thành nơi ngập tràn yêu thương”.

KHẲNG ĐỊNH VÀ TỎA SÁNG

Là một chiến sĩ công an, năm 2003, sau khi tốt nghiệp ra trường, chị Nguyễn Thị Thu về công tác tại Công an tỉnh. Tháng 7/2023, chị chuyển công tác, làm Phó Chủ tịch Hội LHPN tỉnh Đắk Lắk. Cuối tháng 5/2025, chị tiếp tục được chuyển về Trường Chính trị tỉnh, là Phó Hiệu trưởng kiêm Trưởng khoa Lý luận

cơ sở, Chủ tịch Công đoàn trường.

Ở mỗi cương vị, công việc khác nhau, chị Thu luôn làm tốt vai trò, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được phân công. 21 năm công tác chuyên ngành công an, chị Thu vừa thực hiện hiệu quả công tác chuyên môn vừa tham gia phong trào văn hóa văn nghệ, tổ chức các hoạt động thiện nguyện để đưa hình ảnh người chiến sĩ công an đến gần hơn với nhân dân. Tiếp cận phong trào, đảm nhận công tác ở Hội LHPN tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, những môi trường mới, nhiệm vụ, công tác mới với phạm vi rộng, bao quát hơn, chị Thu cũng cống hiến hết mình và nhận được sự đồng lòng, hỗ trợ, chia sẻ của đồng nghiệp, từ đó công việc của hội, của trường cũng trở nên thuận lợi hơn.

Từ một học sinh nghèo vượt khó, đến suốt chặng đường học chuyên ngành công an, chị Thu luôn cố gắng để bố mẹ đỡ vất vả. Chị từng là một trong hai học viên xuất sắc toàn khoa. Ở Công an tỉnh, chị đã tham gia nhiều hoạt động chuyên môn, phong trào thiện nguyện và nhận được nhiều Bằng khen của Bộ Công an, UBND tỉnh, Giấy khen của Hội LHPN tỉnh, Công an tỉnh. Trong

thời điểm dịch COVID-19, chị Thu vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen đột xuất trong công tác phòng, chống dịch. 5 năm liên tục chị đạt danh hiệu Chiến sĩ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ và Chiến sĩ thi đua toàn lực lượng. Chị cũng tự hào khi nhận được giải thưởng Phụ nữ công an tiêu biểu toàn quốc, đây là dấu ấn, phần thưởng cao quý mà phụ nữ Bộ Công an dành cho hội viên phụ nữ trong ngành. Khi sang công tác ở Hội LHPN tỉnh, chị được tặng Giải thưởng Nguyễn Thị Định, là một trong 30 gương của phụ nữ toàn quốc được nhận giải thưởng lần thứ nhất.

Chị Thu chia sẻ: “Mỗi người, mỗi phụ nữ có một xuất phát điểm, điều kiện, hoàn cảnh, môi trường sống và công tác khác nhau. Tuy nhiên ở bất cứ môi trường, lĩnh vực nào, trong bất cứ bối cảnh nào, chị em hãy thật sự yêu bản thân mình, yêu chính môi trường mình đang công tác, làm việc và yêu chính gia đình mình đang sinh sống. Và cho dù có khó khăn, vất vả thế nào thì chị em phải thực sự cố gắng, nỗ lực để vượt qua chính mình. Đó là điều kiện giúp chị em tự khẳng định và thành công”.



Chị Nguyễn Thị Phượng tham gia công tác xã hội. Ảnh do nhân vật cung cấp



Nữ tiên sĩ BẢO TỒN NHIỀU NGUỒN GEN THỰC VẬT QUÝ

VĂN TÀI

Tiến sĩ Văn Thị Phương Như và cộng sự kiểm tra cây giống cam thảo Đá Bia được nhân thành công.

Ảnh: V. Tài

Là nhà giáo, nhà khoa học gần bó hơn 30 năm với Trường Đại học Phú Yên, Tiến sĩ Văn Thị Phương Như, Trưởng Khoa Khoa học tự nhiên, để lại nhiều dấu ấn trong lĩnh vực nghiên cứu sinh học. Với niềm đam mê khám phá và giữ gìn hệ sinh thái tự nhiên, bà cùng các cộng sự đã và đang nỗ lực thực hiện nhiều đề tài khoa học nhằm bảo tồn các loài thực vật quý trước nguy cơ tuyệt chủng.

NHÂN GIỐNG CAM THẢO ĐÁ BIA

Đóng góp nổi bật của Tiến sĩ Văn Thị Phương Như là cùng các cộng sự bảo tồn thành công cây cam thảo Đá Bia. Đây là loài dược liệu đặc hữu của vùng núi Đá Bia (xã Hòa Xuân), nổi tiếng với vị ngọt tự nhiên gấp nhiều lần đường mía và được ghi danh trong Sách Đỏ Việt Nam.

Từ năm 2018 - 2025, Tiến sĩ Văn Thị Phương Như là thành viên chủ chốt trong nhóm nghiên cứu thực hiện đề tài cấp tỉnh “Nghiên cứu quy trình nhân giống in vitro và đề xuất giải pháp bảo tồn cây cam thảo Đá Bia”. Sau một thời gian nghiên cứu, nhóm đã ứng dụng thành công phương pháp nhân giống in vitro (nuôi cấy mô) giúp nhân nhanh số lượng lớn cây giống khỏe mạnh

trong điều kiện phòng thí nghiệm. Quy trình này đã cung cấp hàng ngàn cây giống cam thảo Đá Bia, được dùng để trồng tại rừng đặc dụng Đèo Cả và khu vực cao nguyên Văn Hòa.

Tiến sĩ Văn Thị Phương Như cho biết: “Điểm mới của đề tài là những nghiên cứu về nhân giống in vitro cam thảo Đá Bia tại Việt Nam và trên thế giới chưa có. Trong quá trình thực hiện, nhóm đã khảo sát khu phân bố, nghiên cứu đặc điểm hình thái và bước đầu nhân giống thành công cam thảo Đá Bia, mở ra triển vọng mới cho việc bảo tồn, phát triển loài dược liệu quý này”.

“HỒI SINH” CHÈ MÃ DỌ

Không chỉ góp phần nhân giống, bảo tồn cam thảo Đá Bia, Tiến sĩ Văn Thị Phương Như còn là chủ nhiệm đề tài khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu và phát triển cây chè Mã Dọ tại thị xã Sông Cầu” (nay thuộc xã Xuân Lộc). Đề tài đã được Hội đồng KH - CN tỉnh nghiệm thu vào cuối năm 2024. Sau đó, Sở KH - CN bàn giao kết quả cho Trung tâm Thông tin - Ứng dụng KH - CN Đắk Lắk, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Công nghệ nông nghiệp - sinh học La Hiêng (đơn vị chủ trì thực hiện đề tài)... để ứng dụng thực tiễn. Trong đó có 2.500 cây giống chè Mã

Dọ nhân bằng phương pháp giâm cành và 2.500 cây giống in vitro; 10 kg chè Mã Dọ dạng sấy; quy trình nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hoạch và chế biến sản phẩm cùng 19 chuyên đề khoa học chuyên sâu.

Phó Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Văn Minh (Trường Đại học Tây Nguyên) đánh giá cao kết quả đề tài, đặc biệt là công tác phục tráng, bảo tồn và trồng thực địa cây chè Mã Dọ, cũng như việc xây dựng quy trình sản xuất, chế biến hoàn chỉnh. Theo ông, những kết quả này không chỉ giúp bảo tồn và phát huy giá trị giống chè đặc hữu mà còn tạo hướng phát triển kinh tế bền vững, góp phần tái cơ cấu nông nghiệp và cải thiện đời sống người dân.

Bà Lâm Vũ Mỹ Hạnh, Phó Giám đốc Sở KH - CN cho biết, việc chuyển giao kết quả đề tài giúp các đơn vị sớm đưa ứng dụng vào thực tế sản xuất; đồng thời bổ sung dữ liệu khoa học về đặc điểm sinh học và khả năng thích ứng của cây chè Mã Dọ, góp phần bảo tồn và phát triển loài cây này, mang lại nguồn thu nhập ổn định cho người dân khu vực phía Đông của tỉnh.

Không chỉ nghiên cứu, bảo tồn các loài thực vật hiếm, Tiến sĩ Văn Thị Phương Như còn thực hiện nhiều nghiên cứu về vi khuẩn nội sinh trong cây lúa và các vi sinh vật, ứng dụng trong nông nghiệp và xử lý môi trường.

Họ không chỉ tạo ra sản phẩm mà còn là những người “giữ lửa” trầm lặng, góp phần bảo tồn hồn cốt văn hóa truyền thống dân tộc.

DỆT ĐAM MÊ BÊN KHUNG CỬ

Chị H'Sen Hmôk Du là một trong những người phụ nữ tiêu biểu cho tinh thần gìn giữ nghề dệt thổ cẩm truyền thống ở buôn Lê (xã Liên Sơn Lắc). Suốt hơn 20 năm qua, với chị H'Sen, tiếng lách cách khung cửi đã trở thành một phần máu thịt của mình. Tuy nhiên, hành trình giữ nghề của chị và nhiều phụ nữ M'Nông khác không phải lúc nào cũng suôn sẻ.

Chị H'Sen chia sẻ rằng, đã từng có một thời gian dài, vì gánh nặng mưu sinh, việc nương rẫy, chăm sóc con cái, chị phải tạm xếp lại khung cửi. Cũng vì lý do ấy mà nhiều chị em khác trong các buôn làng M'Nông dần nhạt phai với nghề dệt thổ cẩm. Khi các cấp ngành, địa phương bắt đầu quan tâm đến việc bảo tồn văn hóa truyền thống, nhiều lớp dạy nghề dệt được mở ra, không chỉ truyền dạy kỹ thuật mà còn khơi dậy lại tình yêu với nghề thủ công truyền thống này. Chị H'Sen và nhiều phụ nữ trong buôn lại hồ hởi theo lớp học, như được trở về với chính mình, với những sợi chỉ, những hoa văn thân thuộc.

Đặc biệt, khi tổ dệt thổ cẩm ở buôn Lê do bà H'Kim Hoa Byă thành lập vào tháng 10/2023, nghề dệt trở thành nghề chính của chị và nhiều chị em trong buôn. Các chị thường xuyên tập trung về nhà văn hóa cộng đồng buôn Lê để cùng nhau dệt nên những tấm vải thổ cẩm rực rỡ. Không gian này không chỉ là nơi làm việc mà còn là nơi giao lưu, truyền dạy kinh nghiệm và giữ gìn văn hóa dệt

của những người cùng niềm đam mê.

Chị H'Sen bộc bạch, giờ đây, được làm việc mình đam mê, được sống với nghề truyền thống bao đời nay của buôn làng, chị cảm thấy rất hạnh phúc và luôn tự hào khi nhìn thấy những hoa văn truyền thống do chính tay mình dệt nên, được góp sức giữ gìn bản sắc M'Nông.

GIỮ “HƠI THỞ” CỦA ĐẤT

Tại các buôn làng thuộc khu vực xã Yang Tao cũ (nay thuộc xã Liên Sơn Lắc), nghề làm gốm nung lộ thiên của người M'Nông R'lăm vẫn được nhiều nghệ nhân và người đam mê lưu giữ. Chị H'Ể Bkrông là một trong những người đã dành nhiều tâm huyết và kinh nghiệm để bảo tồn di sản này. Với chị, nghề gốm không chỉ là sinh kế mà còn là “hơi thở của đất, nhịp tim của rừng và linh hồn của những con người M'Nông R'lăm”.

Niềm đam mê với đất sét đã ngấm sâu vào chị H'Ể từ thuở còn thơ bé. Chị kể rằng mình đã biết làm gốm từ năm 12 tuổi. Tuổi thơ chị là những ngày quần quanh bên bà ngoại và những người phụ nữ trong buôn, chứng kiến họ cần mẫn tạo ra các vật dụng thiết yếu hằng ngày từ đất: từ chõ đồ xôi, chén, nồi nấu cơm cho đến những chiếc lu đựng nước lớn. Từ nhỏ, chị đã thích thú và tập tành nặn những con vật gần gũi như voi, trâu, bò. Chính sự chỉ dạy tận tình của bà ngoại và niềm yêu thích làm gốm đã giúp chị dần dần nắm vững kỹ thuật và làm nên những sản phẩm gốm thủ công đơn giản đầu tiên.

Sau này, khi địa phương mở các lớp dạy nghề làm gốm truyền thống, chị H'Ể đều tham gia nhiệt tình. Với kinh nghiệm được truyền lại từ bà và kiến thức học được từ các lớp tập huấn, tay nghề của chị ngày càng cứng cáp, chị có thể làm ra nhiều loại sản phẩm gốm đa dạng, phức tạp hơn.

Giờ đây, căn nhà của chị H'Ể tại buôn Yôk Đuôn đã trở thành một điểm trưng bày và trải nghiệm nghề làm gốm truyền thống. Nơi đây không chỉ là không gian giới thiệu những sản phẩm thủ công của chị và các nghệ nhân đến du khách mà còn là địa điểm để khách tham quan, đặc biệt là các em học sinh, trực tiếp trải nghiệm và hiểu hơn về quy trình tạo tác nên một sản phẩm gốm của người M'Nông.

Theo chị, điều làm nên sự độc đáo của gốm M'Nông R'lăm chính là việc lưu giữ được quy trình chế tác hoàn toàn bằng phương pháp thủ công. Trong suốt quá trình làm gốm, người M'Nông không hề sử dụng bàn xoay hay bất kỳ máy móc hiện đại nào. Mỗi sản phẩm được tạo hình hoàn toàn bằng đôi tay khéo léo và những công cụ thô sơ. Đặc biệt, kỹ thuật nung lộ thiên bằng vỏ trấu là nét đặc trưng không thể trộn lẫn, tạo nên màu đen nhánh, mộc mạc thể hiện hồn cốt của sản phẩm gốm M'Nông.

Với chị H'Ể, việc làm gốm không chỉ là giữ lại một nghề, mà là giữ lại bản sắc, là cách để chị và cộng đồng M'Nông R'lăm tiếp tục thổi hồn vào đất trong từng sản phẩm gốm đen huyền bí.

“GIỮ LỬA” nghề truyền thống

HOÀNG TUYẾT



Chị H'Sen Hmôk Du (bìa trái) rang rỡ bên sản phẩm thổ cẩm do chính đôi tay mình dệt. Ảnh: H. Tuyết



CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀ CON ĐƯỜNG TẮT YẾU

LÊ LAN - HỒ NHƯ

Trong thời đại 4.0, chuyển đổi số không chỉ là xu hướng công nghệ mà còn trở thành yếu tố sống còn giúp doanh nghiệp (DN) phát triển bền vững.

CHUYỂN MÌNH ĐỂ BẮT KỊP

Trong bối cảnh chuyển đổi số (CDS) diễn ra mạnh mẽ trên mọi lĩnh vực, ngành xây dựng - kiến trúc cũng chuyển mình sâu rộng nhờ việc ứng dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI). Những công nghệ mới không chỉ giúp tối ưu hóa thiết kế, giảm chi phí mà còn nâng cao hiệu quả quản lý, bảo đảm chất lượng và tiến độ các công trình. Đây không chỉ là xu hướng tất yếu mà còn là chìa khóa giúp DN nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng đến mục tiêu phát triển hiện đại, bền vững và thông minh hơn trong tương lai.

Kiến trúc sư Phan Thanh Liêm, Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng C.D.A.C cho biết, các phần mềm mô phỏng 3D, công nghệ BIM (Building Information Modeling) và AI đang được ứng dụng rộng rãi trong thiết kế kiến trúc. Với BIM, toàn bộ thông tin của dự án được tích hợp vào một mô hình kỹ thuật số thống nhất, giúp kiến trúc sư, kỹ sư và chủ đầu tư dễ dàng trao đổi, điều chỉnh và dự báo rủi ro ngay từ giai đoạn đầu. AI hỗ trợ phân tích dữ liệu, gợi ý phương án thiết kế tối ưu về thẩm mỹ, công năng, chi phí và độ bền vững. Kiến trúc sư có thể sử dụng AI để tạo ra



Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Group áp dụng các phần mềm quản lý vận hành đối với phương tiện vận tải. Ảnh: K. Lê

hàng trăm phương án kiến trúc chỉ trong vài giờ, điều mà trước đây cần rất nhiều thời gian để hoàn thành. Bên cạnh đó, trong quản lý và thi công công trình, công nghệ số giúp nâng cao tính minh bạch và kiểm soát tiến độ. Các nền tảng quản lý trực tuyến cho phép giám sát từ xa mọi hoạt động trên công trường thông qua camera AI, cảm biến IoT, drone hoặc dữ liệu đám mây.

Theo Chương trình CDS quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, logistics là một trong tám ngành cần được ưu tiên CDS trước. Việc ứng dụng công nghệ trong logistics sẽ mang lại nhiều lợi ích, tối ưu hiệu quả, từ đó góp phần giảm chi phí logistics nói chung đối với toàn bộ nền kinh tế, hiện thực hóa mục tiêu trọng yếu của bất cứ quốc gia nào, nhất là với Việt Nam

khi chi phí logistics vẫn chiếm tỷ trọng cao. Chính vì vậy, DN vận tải đã coi CDS như là một bài toán sống còn trong thời đại mới chứ không còn là một lựa chọn đơn thuần. Các đổi mới chính gồm hệ thống quản lý kho bãi và vận tải, dự báo dựa trên AI và các giải pháp theo dõi lộ trình dựa trên Internet vạn vật. Điều này giúp các DN vượt qua khoảng cách về hạ tầng.

Ông Nguyễn Thành Long, Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Long Group chia sẻ, hiện nay đơn vị hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải và áp dụng quá trình CDS gần như hoàn toàn ở tất cả các quy trình làm việc cũng như quản lý nhân sự, quản lý vận hành. DN đã và đang áp dụng công nghệ số để đáp ứng yêu cầu và thay đổi trong kỷ nguyên số hiện nay. Cụ thể, DN chỉ làm các thủ tục online, về quản lý nhân sự cũng



Nhờ ứng dụng công nghệ số, nhà quản lý có thể theo dõi khối lượng công việc, kiểm tra an toàn lao động, phát hiện sai lệch thiết kế hay sự cố kỹ thuật kịp thời. AI còn hỗ trợ phân tích dữ liệu vật liệu, dự báo hao hụt, lên kế hoạch cung ứng và giám lãg phí”.

Kiến trúc sư **PHAN THANH LIÊM**,
Giám đốc Công ty TNHH Tư vấn thiết kế kiến trúc xây dựng C.D.A.C.

giảm thiểu được tối đa các thủ tục giấy tờ, không sử dụng nhiều văn phòng. Về mặt quản lý hành chính, tài chính, đơn vị sử dụng các phần mềm ứng dụng để gửi báo cáo thuế cũng như báo cáo về chính sách cho nhân sự để kịp thời và đầy đủ nhất.

CẦN CHIẾN LƯỢC DÀI HỜI

Tuy quá trình CDS đang được DN ứng dụng mạnh mẽ nhưng nhiều DN cho rằng, quá trình này cũng đang đối mặt với không ít thách thức. Một trong những thách thức lớn nhất của quá trình CDS chính là sự khác biệt trong tư duy quản trị. Bên cạnh đó, chi phí cũng là một rào cản không nhỏ. Với các tập đoàn lớn hay những DN có vốn mạnh, CDS chỉ là một dự án trong kế hoạch và họ có đủ nguồn lực để thực hiện. Nhưng với DN nhỏ và vừa, đây lại là một bài toán vô cùng khó khăn. Các DN nhỏ thường rất khó huy động

vốn cho khoản đầu tư ban đầu vào chi phí vốn. Đây chính là thách thức lớn nhất với khối DN vừa và nhỏ.

Vì vậy, theo các chuyên gia, khi xác định CDS là con đường tất yếu, mỗi DN phải biết chọn đúng trọng tâm, bước đi phù hợp, xây dựng đội ngũ vừa giỏi công nghệ vừa am hiểu kinh doanh và duy trì được sự kết nối, gắn kết giữa con người với con người trong quá trình CDS.

Về nguồn lực cho CDS, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng, triển khai gói tín dụng ưu đãi khoảng 500.000 tỷ đồng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và hạ tầng chiến lược. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng đã có nhiều chính sách, cơ chế khuyến khích, ưu đãi đối với DN công nghệ, đổi mới sáng tạo.

Đối với tỉnh Đắk Lắk, trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh dự kiến bố

trí khoảng 330 tỷ đồng từ nguồn vốn xây dựng cơ bản, đồng thời mỗi năm bố trí khoảng 20 tỷ đồng từ nguồn kinh phí sự nghiệp để triển khai nhiệm vụ CDS. Bên cạnh việc xây dựng chính sách và hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, công nghệ, tỉnh còn đặt ra hai nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện, đó là: đào tạo phát triển nhân lực số; thúc đẩy ứng dụng số đối với hoạt động kinh tế của cộng đồng DN và đẩy mạnh ứng dụng số trong xã hội, cộng đồng dân cư.

Theo ông Nguyễn Tấn Thuận, Phó Chủ tịch Thường trực Hiệp hội DN tỉnh, các DN nên sớm đưa ra lộ trình CDS, bố trí nguồn vốn, nhân lực phù hợp. Đây sẽ là nguồn đầu tư tạo những đột phá lớn cho DN trong tương lai. Hội sẽ tăng cường các hoạt động hỗ trợ hội viên thông qua chương trình kết nối với các đơn vị tư vấn, nhà cung cấp giải pháp số phù hợp với từng quy mô DN; tổ chức các lớp tập huấn, tọa đàm chia sẻ kinh nghiệm giúp DN tiếp cận công nghệ mới, ứng dụng hiệu quả trong quản trị, marketing và sản xuất.

Hy vọng với chiến lược dài hơi từ phía DN cùng những lực đẩy từ chính sách sẽ tiếp thêm động lực để các DN mạnh dạn hơn trong việc thúc đẩy CDS.



Ứng dụng công nghệ số trong thiết kế, quản lý giúp các dự án xây dựng được quản lý khoa học, hiệu quả. Ảnh: H. Như



Simexco DakLak giới thiệu trải nghiệm VR 360 (thực tế ảo) cho khách tham quan tại Hội chợ quốc tế Anuga 2025 vừa diễn ra tại Đức. Ảnh: Simexco DakLak cung cấp

ỨNG DỤNG SỐ để thúc đẩy xuất khẩu

KHẢ LÊ - HỒ NHƯ

Trong bối cảnh hiện nay, việc chủ động hội nhập số không còn là lựa chọn mà là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh, khả năng thích ứng và phát triển bền vững của doanh nghiệp trên trường quốc tế. Sự dịch chuyển từ mô hình xuất khẩu truyền thống sang xuất khẩu trực tuyến đang diễn ra mạnh mẽ, không chỉ giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí mà còn mở ra cánh cửa tiếp cận trực tiếp với hàng trăm triệu người tiêu dùng trên khắp thế giới.

DOANH NGHIỆP TIỀN PHONG

Hòa cùng dòng chảy của công nghệ số, Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu 2/9 (Simexco DakLak)

đẩy mạnh xuất khẩu nông sản giá trị cao thông qua chuyển đổi số (CDS) với những bước đi cụ thể. Công ty đã triển khai bản đồ nông nghiệp số ngành cà phê và hồ tiêu bao phủ tới 50.000 nông hộ. Tại Hội chợ quốc tế Anuga 2025 vừa diễn ra tại Đức, Simexco DakLak đã giới thiệu trải nghiệm VR 360 (thực tế ảo) cho khách tham quan, tái hiện toàn bộ chuỗi cung ứng từ nông trại đến nhà máy, từ canh tác đến chế biến. Mỗi đơn hàng đều có thể được truy xuất tận vườn, minh bạch và tin cậy. Không dừng lại ở đó, khách hàng toàn cầu còn có thể truy cập trực tuyến để xem thông tin sản phẩm, chứng nhận chất lượng và đặt hàng ngay trên nền tảng số, được chăm sóc 24/7 bởi AI Chatbot - tạo sự thuận tiện và kết nối tức thì.

Ông Lê Đức Huy, Chủ tịch Hội đồng thành viên Simexco DakLak cho rằng, CDS không chỉ là xu thế, mà là con đường tất yếu để nông sản Việt Nam hội nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu. Simexco DakLak tự hào là cầu nối giúp nông sản Đắk Lắk vươn xa, đồng hành cùng tỉnh trong hành trình xây dựng nền kinh tế số và phát triển bền vững, góp phần đưa hàm lượng kinh tế số đạt 30% GRDP của tỉnh Đắk Lắk.

Vừa qua, Bưu điện tỉnh Đắk Lắk và Công ty Shanon Vân Nam (Trung Quốc) đã chính thức ký kết hợp đồng xuất khẩu cà phê chất lượng cao sang thị trường Trung Quốc qua kênh thương mại điện tử chuyên biệt nông sản. Theo ông Nguyễn Anh Dũng, Giám đốc Bưu điện tỉnh Đắk Lắk, việc ký kết thành công biên bản hợp tác thương mại và hợp đồng ghi nhớ tiêu thụ sản phẩm với Công ty Shanon Vân Nam là bước tiến quan trọng, không chỉ mở rộng thị trường tiêu thụ mà còn khẳng định vị thế của thương hiệu cà phê Đắk Lắk trên thị trường quốc tế. Điều đặc biệt là phương thức giao dịch được thực hiện hoàn toàn qua hình thức thương mại điện tử, sử dụng sàn nongsan.buudien.vn do Bưu điện Việt Nam làm chủ công nghệ và vận hành.

Được tham gia nhiều chương trình tiếp xúc thương mại số, ứng dụng sàn thương mại điện tử do Nhà nước tổ chức, Công ty TNHH Yến sào Khang Châu Phú Yên hiện đã đưa sản phẩm tiếp cận được với nhiều khách hàng quốc tế. Theo ông Phạm Duy Khiêm, Giám đốc công ty, việc đưa sản phẩm lên sàn thương mại điện tử là hướng đi đúng đắn, giúp sản phẩm của doanh nghiệp nhanh chóng được biết đến trên thị trường, nhưng cần có sự đồng hành sát sao hơn từ chính quyền địa phương. “Chúng tôi đã đưa một số dòng sản phẩm yến sào lên sàn, nhưng gặp khó trong việc quảng bá và duy trì đơn hàng ổn định. Doanh nghiệp rất mong được hỗ trợ đào tạo chuyên sâu về kỹ năng bán hàng trực

tuyến, sử dụng công cụ quảng cáo và phân tích dữ liệu khách hàng. Nếu có chương trình riêng cho sản phẩm OCOP hay đặc sản địa phương, chúng tôi tin rằng doanh nghiệp sẽ đứng vững trên sàn thương mại điện tử”, ông Khiêm nói.

CHÍNH QUYỀN ĐỒNG HÀNH

Trên phương diện hỗ trợ từ Nhà nước, trong những năm qua, các sở, ban ngành, địa phương trong tỉnh đã quan tâm, đẩy mạnh công tác xây dựng, hoàn thiện thể chế nhằm tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy CDS và hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận kinh tế số. Đặc biệt việc hỗ trợ các doanh nghiệp, hộ kinh doanh đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử được các sở, ngành quan tâm. UBND tỉnh, các sở, ngành cũng đã xây dựng nhiều kế hoạch, triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, hỗ trợ doanh nghiệp CDS, từng bước tự động hóa quy trình sản xuất cũng như cung cấp dịch vụ.

Riêng ngành thương mại - dịch vụ, thời gian qua, Sở Công thương đã triển khai nhiều giải pháp để tăng tốc, thúc đẩy CDS trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong đó, khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh thương mại đổi mới công nghệ và áp dụng công nghệ vào sản xuất, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người dân. Đồng thời tăng cường hỗ trợ các doanh nghiệp xây dựng và tối ưu hóa website để quảng bá, tiếp thị, tham gia hệ thống bán hàng đa kênh trên môi trường trực tuyến; mở các lớp đào tạo, tập huấn về ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo vào sản xuất và quảng bá sản phẩm.

Ngay sau thành công của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tỉnh Đắk Lắk đã khẩn trương triển khai nhiều giải pháp trọng tâm nhằm hiện thực hóa mục tiêu 30% GRDP đến từ kinh tế số. Đồng chí Đỗ Hữu Huy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, xác định: "Trọng tâm được xác định là thúc đẩy CDS trong ngành nông nghiệp, từ canh tác, bản đồ nông nghiệp số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data) trong quản lý chuỗi cung ứng, cho đến chế biến và thương mại hóa sản phẩm nông nghiệp".

Ngày 5/10/2025, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 306/NQ-CP về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong đó, thương mại điện tử được xác định là một trong những ngành kinh tế chủ lực, giữ vai trò chiến lược trong quá trình hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; hướng tới mục tiêu đưa Việt Nam trở thành trung tâm thương mại điện tử lớn thứ hai khu vực Đông Nam Á, chỉ sau Indonesia.

TRUY XUẤT NGUỒN GỐC SẢN PHẨM nhờ số hóa

THÚY HỒNG

Trong bối cảnh hàng giả, hàng nhái diễn biến phức tạp và người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến chất lượng, nguồn gốc sản phẩm, việc ứng dụng công nghệ số vào truy xuất nguồn gốc càng trở thành một yếu tố quan trọng giúp quảng bá và nâng tầm thương hiệu, bảo vệ lợi ích cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Truy xuất nguồn gốc bằng công nghệ số là việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số như mã QR, mã vạch, IoT và blockchain để theo dõi, ghi nhận và quản lý toàn bộ hành trình của một sản phẩm. Thông tin được số hóa này giúp tạo ra sự minh bạch, dễ dàng xác thực, từ đó nâng cao niềm tin của người tiêu dùng.

Thông qua tem truy xuất nguồn gốc được cấp và dán trên sản phẩm, doanh nghiệp, người sản xuất có cơ hội thông tin đến người tiêu dùng về quy trình sản xuất, thông tin chất lượng, quy chuẩn hàng hóa. Đây cũng là cơ sở pháp lý, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số trong thời kỳ hội nhập, giúp quảng bá và nâng tầm thương hiệu, bảo vệ lợi ích cho cả doanh nghiệp và người tiêu dùng.

Không chỉ có lợi cho doanh nghiệp, người tiêu dùng, hệ thống truy xuất nguồn gốc còn giúp các cơ quan quản lý nhà nước kiểm soát chặt chẽ, theo dõi chất lượng, điều kiện an toàn thực phẩm của cơ sở sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, nhờ áp dụng công nghệ, tiêu chuẩn quản lý và hệ thống dữ liệu để ghi nhận, theo dõi hành trình của sản phẩm từ nguyên liệu đầu vào, khâu sản xuất, vận chuyển, phân phối cho tới tay người tiêu dùng nên có thể dễ dàng truy vết, xử lý khi có vấn đề phát sinh.

Công ty TNHH Lê Gia Tây Nguyên TPM (phường Cư Bao) hoạt động trong lĩnh vực sản xuất cà phê rang xay và đã đạt tiêu



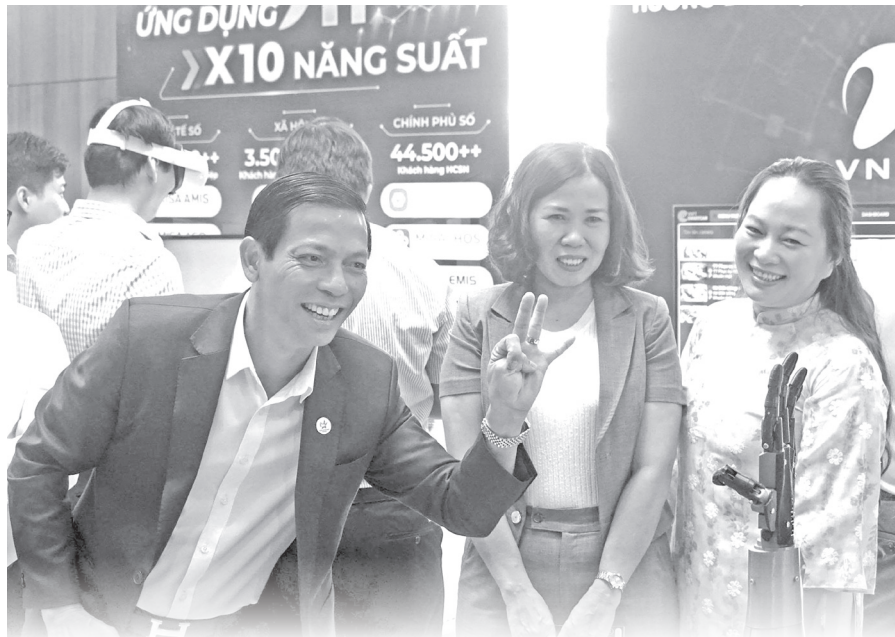
Quy trình sản xuất và phê của Công ty TNHH Lê Gia Tây Nguyên TPM được thực hiện nghiêm ngặt. Ảnh: T. Hồng

chuẩn OCOP 3 sao. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, ngoài việc đầu tư máy móc tạo ra sản phẩm cà phê chất lượng cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, công ty còn ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc sản phẩm cà phê bằng cả QR code và mã vạch. Nhờ vậy, người tiêu dùng có thể dễ dàng kiểm tra toàn bộ thông tin về hành trình của sản phẩm, từ khâu sản xuất, chế biến, đóng gói đến phân phối chỉ với một thao tác quét mã. Anh Lê Trọng Tuấn, Giám đốc công ty cho hay: “Việc ứng dụng công nghệ số để truy xuất nguồn gốc không chỉ giúp người tiêu dùng yên tâm hơn khi sử dụng sản phẩm mà còn góp phần ngăn chặn gian lận, chống hàng giả, hàng nhái, bảo vệ thương hiệu doanh nghiệp”.

Có thể nói, truy xuất nguồn gốc sản phẩm là xu thế tất yếu, trở thành vấn đề cấp thiết và yêu cầu bắt buộc trong quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa; đặc biệt với những sản phẩm có ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe như nông sản, thực phẩm, dược phẩm, mỹ phẩm...

Những năm gần đây, Sở KH - CN Đắk Lắk đã và đang đẩy mạnh việc ứng dụng truy xuất nguồn gốc, đặc biệt tập trung hỗ trợ triển khai giải pháp truy xuất nguồn gốc cho các sản phẩm chủ lực của tỉnh như mật ong, cà phê bột, hạt tiêu, hạt điều... Trong đó, Sở đã phối hợp với các đơn vị liên quan hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn ứng dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc có dán tem QR code và cấp tem xác thực truy xuất nguồn gốc. Với phần mềm truy xuất nguồn gốc và tem QR code được cấp, các đơn vị sản xuất, kinh doanh xây dựng kho dữ liệu, cập nhật thông tin về nguồn gốc hàng hóa lên hệ thống và dán mã QR lên sản phẩm trước khi cung ứng ra thị trường...

Thực tế những năm gần đây, tình trạng hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng diễn biến phức tạp, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi người tiêu dùng, sức khỏe cộng đồng cũng như uy tín doanh nghiệp. Vì vậy, hoạt động truy xuất nguồn gốc được xem là giải pháp then chốt, đóng vai trò “lá chắn” bảo vệ thị trường, nâng cao niềm tin xã hội.



Doanh nghiệp giới thiệu công cụ AI sử dụng trong ngành y tế tại Ngày Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2025. Ảnh: K. Lê

DOANH NGHIỆP TRẺ VÀ KHỞI NGHIỆP SỐ

KHẢ NGÂN

Trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, chuyển đổi số và khởi nghiệp sáng tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Để nắm bắt cơ hội, doanh nghiệp (DN) khởi nghiệp đã và đang chủ động, tận dụng lợi thế của công nghệ để phát triển.

TIỀN PHONG ĐƯA CÔNG NGHỆ SỐ VỀ VÙNG KHÓ

Được thành lập từ tháng 8/2025 với mục tiêu kết nối mọi cá nhân, DN và chính quyền thông qua công nghệ và trí tuệ nhân tạo (AI), Công ty Cổ phần Công nghệ VN168 (VN168) đã sáng lập nền tảng VN168 dựa trên việc tập hợp những AI Agent hàng đầu thành một nền tảng duy nhất. Mục đích của công ty là tạo một nền tảng đơn giản và dễ dàng tiếp cận, giúp người dùng không phải làm quen với nhiều công cụ phức tạp. Đồng thời cung cấp giải pháp chuyển đổi số và công cụ AI hỗ trợ hành chính công, hỗ trợ chính quyền điện tử, DN và ứng dụng trong giáo dục, nông nghiệp.

Ông Huỳnh Văn Kiều, Tổng Giám đốc VN168 chia sẻ, sản phẩm AI 168 của công ty dễ triển khai, giúp DN quản lý thông minh, tối ưu hóa hoạt động và phát triển bền vững, giúp chính quyền đơn giản hóa quy trình, hoạt động nhanh chóng và chính xác hơn. Đặc biệt, những người nông dân sẽ có giải pháp nông nghiệp thông minh, tối ưu hóa sản xuất và nâng cao năng suất.



Để các doanh nghiệp khởi nghiệp có thể ứng dụng công nghệ một cách tốt hơn, cần sự chung tay hỗ trợ một cách toàn diện của nhiều đơn vị. Đặc biệt là cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương”.

Bà LƯƠNG THỊ THÚY ANH, Giám đốc Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo Daklak Innovation Hub (DIH)

Trong giai đoạn đầu thực hiện Chương trình chuyển đổi số quốc gia, tỉnh Đắk Lắk phải đối mặt với không ít khó khăn. Đó là trình độ tiếp cận công nghệ giữa các nhóm dân cư chưa đồng đều; hạ tầng cơ sở viễn thông chưa thật sự ổn định; một bộ phận người dân, nhất là người lớn tuổi, người dân địa bàn khó khăn còn e ngại với công nghệ. Chính vì vậy, ngay sau khi thành lập, VN168 đã đẩy mạnh triển khai phối hợp cùng chính quyền, đặc biệt tại các xã vùng sâu, địa bàn khó khăn để phổ biến, hướng dẫn về ứng dụng AI và thực hành công cụ AI VN168 trong việc giải quyết thủ tục hành chính công, thực hành so sánh các tác vụ trên AI VN168, cũng như kỹ năng phân tích và quản lý dữ liệu.

Ông Lại Đức Đại, Chủ tịch UBND xã Krông Pắc chia sẻ: "Chúng tôi là một trong những xã đầu tiên đồng hành cùng VN168 từ khi công ty mới thành lập. Quá trình triển khai chuyển đổi số tại xã đã ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Krông Pắc vinh dự là một trong số ít địa phương được UBND tỉnh đánh giá cao trong công tác chuyển đổi số thời gian qua".

Dù mới thành lập nhưng VN168 đã triển khai 7 dự án chuyển giao, tập huấn về AI tại các xã/phường trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu của VN168 là chuyển đổi số toàn diện cho toàn bộ 102 xã, phường trên toàn tỉnh. Để hiện thực hóa mục tiêu này, công ty đang tập trung đồng bộ hóa hệ

thống phần mềm, xây dựng giáo trình giảng dạy chuyên biệt và phát triển đội ngũ nhân lực công nghệ cao nhằm bảo đảm tiến độ và chất lượng đào tạo.

THÁCH THỨC TRONG KHỞI NGHIỆP SỐ

Nhiều chuyên gia cho rằng, hiện nay các DN trẻ có lợi thế là thích ứng nhanh hơn với công nghệ. Đặc biệt, sau các thay đổi về chính sách đã có sự thanh lọc trên thị trường, dẫn đến một số DN truyền thống được thay bằng các DN trẻ hơn. Tuy nhiên, DN trẻ, DN khởi nghiệp cũng đối mặt với không ít những thách thức và cần có sự thay đổi, thích ứng để áp dụng công nghệ, chuyển đổi số thành công.

Theo bà Lương Thị Thúy Anh, Giám đốc Trung tâm Khởi nghiệp sáng tạo Daklak Innovation Hub (DIH), nguồn lực, tiềm lực về tài chính và kinh nghiệm của DN trẻ hiện nay còn chưa dồi dào. Vì thế việc ứng dụng các nền tảng công nghệ cũng sẽ có phần hạn chế. Có một số mục tiêu DN trẻ khát khao vươn tới nhưng lại nằm ngoài khả năng của họ. Ở khía cạnh thị trường, có thể thấy hiện nay Đắk Lắk có rất ít DN công nghệ hoạt động bởi nhu cầu chưa đủ mạnh. "Chỉ khi phổ cập được tư duy về ứng dụng công nghệ đổi mới sáng tạo cho DN thì nhu cầu sẽ tăng lên, lúc đó sẽ xuất hiện nguồn cung đó là DN công

nghệ lớn mạnh ở tại địa phương để đáp ứng", bà Lương Thị Thúy Anh khẳng định.

Trên thực tế, trong lộ trình ứng dụng công nghệ không chỉ cần sự nỗ lực của bản thân DN mà còn cần sự hỗ trợ của chính quyền địa phương và các sở, ban ngành. Chẳng hạn như các DN về sản xuất muốn ứng dụng công nghệ vào hệ thống máy móc hoặc dây chuyền sản xuất, ứng dụng AI đều cần phải có ngân sách. Chính vì vậy, các nguồn quỹ như: Quỹ đổi mới sáng tạo, Quỹ ứng dụng công nghệ của tỉnh hay Chính phủ cần có nguồn ngân sách cho các dự án công nghệ số để hỗ trợ DN khởi nghiệp hiện thực hóa ý tưởng sáng tạo. Hay như đối với các DN về thương mại dịch vụ cần được hỗ trợ nhiều hơn, đào tạo sâu hơn để họ có thể ứng dụng được công nghệ số trong tiếp cận thị trường, tiếp cận khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ một cách bài bản, chuyên nghiệp.

Với bản thân DN, để có thể ứng dụng số cũng như khởi nghiệp từ các lĩnh vực công nghệ số, việc đầu tiên là cần dám bước ra "biển lớn" và phải thay đổi tư duy, nâng cấp bản thân mình. Nhiều DN trên địa bàn tỉnh cũng mong muốn được tỉnh quan tâm hơn nữa trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo và công nghệ, đặc biệt là các chương trình đầu tư tài chính cho lĩnh vực chuyển giao, chuyển đổi công nghệ...



Nhân viên Công ty Cổ phần Công nghệ VN168 hướng dẫn cán bộ, người dân phường Cư Bao sử dụng công cụ AI. Ảnh: K. Ngân

Sau khi sáp nhập, tỉnh Lâm Đồng không chỉ rộng về không gian bởi có diện tích tự nhiên lớn nhất nước với rất nhiều tiềm năng kinh tế của vùng sơn nguyên - hải nguyên, mà còn thẳm sâu về chiều kích lịch sử văn hóa, tín ngưỡng của vùng đất khi mới được công nhận thêm hai bảo vật quốc gia và công bố hai di tích/ di sản quốc gia.

MINH ĐẠO

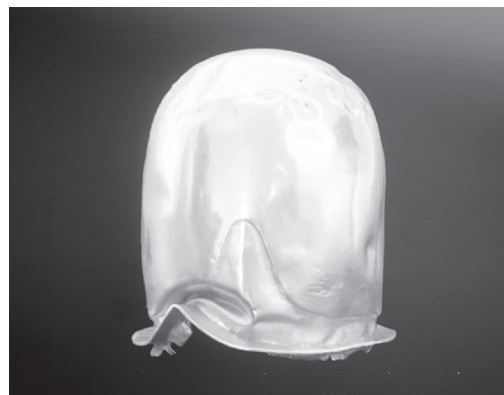
Hiện tại, tỉnh Lâm Đồng có 7 di sản văn hóa được UNESCO ghi danh, 10 di sản phi vật thể quốc gia, 3 di tích đặc biệt, 144 di tích lịch sử - danh thắng cấp quốc gia và cấp tỉnh; Bảo tàng tỉnh đang lưu giữ 112.235 hiện vật, cổ vật, tài liệu có giá trị lịch sử, văn hóa, nghệ thuật.

Xin điểm qua vài nét về 3 bảo vật quốc gia và 2 di tích, di sản vừa được công nhận.

Ba bảo vật quốc gia (Đàn đá Đăk Sơn, Tượng Avalokitesvara Bắc Bình và Linga vàng Po Dam) là những sản phẩm do con người kỳ công sáng tạo, chứa nhiều giá



Bảo vật quốc gia Đàn đá Đăk Sơn. Ảnh: M. Đạo



Bảo vật quốc gia Linga vàng Po Dam.

Ảnh: M. Đạo

Giàu đẹp từ thẳm sâu lịch sử



Danh thắng quốc gia Hang C4-C4 cùng tạo nên hệ thống hang động dài nhất Đông Nam Á thuộc vùng Công viên địa chất UNESCO Đắk Nông. Ảnh: M. Đạo



**Bảo vật quốc gia Tượng Avalokitesvara
Bắc Bình.** Ảnh: M. Đạo

trị tiêu biểu, đặc sắc về lịch sử, văn hóa, nghệ thuật. Cục trưởng Cục Di sản văn hóa PGS.TS Lê Thị Thu Hiền nhấn mạnh: “Đây được coi là những tư liệu quan trọng về lịch sử cùng quá trình hình thành và phát triển vùng đất Tây Nguyên thời tiền sử, Nam Trung Bộ, diện mạo lịch sử văn hóa Chăm pa”.

Bảo vật Đàn đá Đắk Sơn được phát hiện năm 2014 tại thôn Đắk Sơn, xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông cũ (nay là xã Đắk Sắk, tỉnh Lâm Đồng). Đàn gồm 16 thanh đá (11 thanh nguyên vẹn, 5 thanh gần nguyên vẹn, 4 thanh gãy đôi và 1 thanh gãy ba), niên đại khoảng 3.200 - 3.000 năm. Đàn là minh chứng trình độ cao về kỹ thuật, thẩm mỹ của thợ thủ công tiền sử và lấp lánh vẻ đời sống tinh thần phong phú của chủ nhân. PGS.TS Bùi Văn Liêm, Phó Chủ tịch Thường trực kiêm Tổng

Thư ký Hội Khảo cổ học Việt Nam khẳng định rằng Đàn đá Đắk Sơn “là bộ nhạc cụ cổ độc đáo” và là “cổ vật có giá trị đặc biệt về khảo cổ học, lịch sử, văn hóa; là sản phẩm văn hóa tinh thần, nhạc cụ cổ xưa nhất của cư dân thời tiền sử vùng Tây Nguyên”.

Bảo vật Tượng Avalokitesvara Bắc Bình được người dân phát hiện tại xã Phan Thanh, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận cũ (nay là thôn Thanh Khiết, xã Hồng Thái, tỉnh Lâm Đồng) trước năm 1945. Tượng Avalokitesvara được chế tác từ đá sa thạch hạt mịn (một loại đá granite hạt nhỏ), có màu xám đen, chiều cao 61 cm, trọng lượng 13 kg; có niên đại thế kỷ 8 - 9. Tượng Avalokitesvara hội đủ những đặc trưng nghệ thuật điêu khắc Champa và là tư liệu quý về lịch sử nghệ thuật - tôn giáo - văn hóa, là gạch nối về phong cách nghệ thuật tạo hình của thế kỷ 8 với thế kỷ 9 - 10 (phong cách nghệ thuật Trà Kiệu, Đồng Dương). Vừa có tính độc đáo riêng, Tượng Avalokitesvara vừa thể hiện quá trình giao lưu, tiếp biến văn hóa giữa Ấn Độ và các nước Đông Nam Á ở thiên niên kỷ đầu tiên sau Công nguyên.

Bảo vật Linga vàng Po Dam được phát hiện năm 2013 tại di tích Cùm tháp Po Dam thuộc xã Phú Lạc, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận (nay là xã Liên Hương, tỉnh Lâm Đồng). Linga cao 6,6 cm, đường kính thân 5,35 - 5,49 cm, đường kính vành 5,8 - 6,0 cm và trọng lượng 78,36 gr. Chất liệu linga chủ yếu bằng vàng (90,4% hàm lượng), còn lại bạc 9,05% và đồng 0,55%. Niên đại được xác định khoảng thế kỷ 8 - 9. Các nhà nghiên cứu khẳng định Linga vàng Po Dam có kiểu dáng, kỹ thuật chế tác, mỹ thuật, kích thước đến nay vẫn là độc nhất vô nhị. Bảo vật là hiện vật gốc độc bản, quý hiếm, mang nhiều giá trị về lịch sử, văn hóa Chăm.

Di tích quốc gia Danh lam thắng cảnh Hang C3-C4 nằm

trong hệ thống hang động núi lửa Năm B’Lang thuộc xã Nam Đà, tỉnh Lâm Đồng. Hình thành từ dòng dung nham chảy, hang C3-C4 có từ khoảng 689.000 - 199.000 năm trước. Tổng chiều dài của hang là 967,8 m, trong đó C3 dài 716,3 m và C4 dài 251,5 m. Hang C3-C4 là một trong những hang động đẹp và cấu trúc địa chất độc đáo, càng nâng giá trị của hệ thống hang động dài nhất Đông Nam Á thuộc vùng Công viên địa chất UNESCO Đắk Nông. Hang có giá trị lớn về lịch sử, văn hóa, du lịch và nghiên cứu. PGS.TS Trần Tân Văn, chuyên gia cao cấp của Mạng lưới Công viên địa chất toàn cầu UNESCO nhận định: “Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Đắk Nông là một trong những công viên địa chất hiếm hoi trên thế giới hội tụ trọn vẹn các yếu tố: di sản địa chất đặc sắc, nền văn hóa bản địa phong phú và cộng đồng cư dân gắn bó sâu sắc với di sản”.

Là di sản văn hóa phi vật thể quốc gia Lễ hội Tăm Blang M’prang Bon là lễ hội cúng rạo bon trồng cây mang đậm bản sắc văn hóa của đồng bào M’Nông. Lễ hội Tăm Blang M’prang Bon sinh ra từ truyền thuyết người M’Nông Preh. “Blang” là cây gạo được xem là cây thiêng bởi sự chở che cho con dân khi gặp những hiểm họa. Vì vậy, hằng năm người dân tổ chức lễ hội trồng cây Blang để mong luôn có được cuộc sống an yên, hạnh phúc và trường cường như sức sống của cây Blang. Trong lễ hội, đồng bào M’Nông dùng cây Blang làm cột lễ. Không gian văn hóa công cộng vang vọng, cộng hưởng, mê hoặc và đẩy lên quanh “vị thần” Blang suốt chiều dài và chiều sâu lễ hội.

Những bảo vật quốc gia và di tích, di sản quốc gia chính là khẳng định sự giàu có từ thẳm sâu lịch sử của một vùng đất. Đó là những tài sản vô giá để lại cho lớp hậu thế niềm tự hào và lời nhắc nhở về trách nhiệm gìn giữ, phát huy tốt và đúng những giá trị đặc biệt của chúng.

CƠM MUỐI VÙNG ngày bão

TRẦN XUÂN TRỌNG

Bão về từ chiều. Trời xám xịt như người đang giận. Mây xám trườn xuống, trĩu nặng, vắt ngang mái ngói. Gió luồn qua hàng tre đầu ngõ, rít lên từng hồi dài. Lá chuối ngoài vườn lật phật, mấy tàu ngô non run rẩy, thân mảnh mà vẫn cố đứng. Cả xóm đã cài then, cửa đóng im lìm, chỉ còn tiếng gió đập vào phen nứa.

Mẹ vo gạo trong cái nồi gang cũ, nước tràn ra, lạnh buốt tay. CƠM tối nay chẳng có gì nhiều: bát muối vùng và nồi canh rau tập tàng. Nhà nghèo, mỗi mùa bão đến lại chật chiu như thế. Gạo mẹ giữ từ vụ trước, muối vùng già sẵn bỏ lọ, thơm mùi khói khét nhẹ. Tôi ngồi bên bếp, nhìn ngọn lửa yếu ớt chạm vào củi ướt, khói cay xè mắt. Mẹ chụm lại, tay che gió.

Cơm chín, thơm nức. Mẹ mở nắp nồi, hơi nóng bốc lên, quện với mùi vùng rang. Mấy hạt cơm dính vào đũa, trắng muốt, dẻo quánh. Mẹ bới ra bốn bát, rắc muối vùng lên. Tôi trộn đều, hạt vùng bám vào cơm, thơm bùi, mặn mặn. Ngoài kia gió giật mạnh, tấm phen kêu như muốn lật tung nhưng trong căn bếp nhỏ, có ánh lửa và mùi cơm nóng - thế là đủ ấm.

Ngày nhỏ, tôi từng nghĩ muối vùng là món ăn của trời mưa. Cứ nghe giông gió là mẹ lại đem vùng ra rang, tay đảo đều trong chảo, lửa nhỏ, kiên nhẫn. Mùi vùng rang bay ra hiên, quện vào mùi mưa, mùi đất ẩm và mùi rơm ướt. Cả căn nhà nhỏ chật ních hương thơm. Lúc ấy, tôi thường ngồi nép bên cửa, lắng nghe gió lùa qua những kẽ mái và nghe bụng đói reo lên khi mẹ đổ vùng vào cối giã. Cái chày gỗ nhịp đều, trầm như một khúc hát ru mùa bão. Bữa cơm ngày bão không có gì nhiều. Vài muối cơm nóng, một bát muối vùng già nhỏ, đôi khi thêm ít cà muối chua hoặc hôm nào may thì còn có đĩa cá khô rim mặn. Mưa ngoài hiên nặng hạt, gió rít như xé không gian.

Cơm muối vùng ngày bão, tưởng là khổ mà lại là lúc thấy rõ nhất dáng dấp của yêu thương. Mẹ chẳng nói gì, chỉ lặng lẽ ngồi bên mâm, tay chan cho tôi thìa vùng, mắt nhìn ngọn đèn dầu sắp tắt. Bóng mẹ đổ lên vách, run rẩy theo từng cơn gió. Ngày ấy, tôi chỉ biết ăn thật nhanh để trốn vào giấc ngủ, chẳng hiểu vì sao mẹ luôn ngồi lại rất lâu cuối bữa cơm. Sau này lớn lên, tôi mới biết mẹ nán lại để nghe xem mái nhà có đột, cửa có lung lay và mấy cây buồm ngoài sân có bị gió quật gãy. Rồi mẹ lại lặng lẽ mở hũ gạo, soi ánh đèn vào

trong, đếm chùng còn đủ cho mấy bữa. Cử chỉ ấy đã thành thói quen của một đời người: nỗi lo luôn được đo bằng từng lon gạo, từng hạt vùng, từng tiếng gió đêm.

Sáng hôm sau, bão tan. Trời trong veo như vừa được gội sạch bằng một chậu nước mưa to. Không khí phả ra mùi đất ẩm và lá mục, ngai ngái mà dễ chịu đến lạ. Mái ngói ướt sũng, nhỏ giọt xuống hiên. Sân đầy lá rụng, những thân chuối gãy gập, cành buồm rũ quả. Con gà trống cất tiếng gáy khàn như người vừa qua cơn sốt. Mấy cây đu đủ nghiêng ngả như đang chống chọi với nỗi mệt mỏi của một đêm dài. Mẹ mang chõng tre ra phơi, trải tấm chiếu, đặt nồi cơm nguội lên bếp ủ lại. Tôi rắc ít muối vùng, chấm đầu ngón tay vào, nếm thử. Vẫn cái vị mặn mặn, bùi bùi, thơm lừng của ngày hôm qua.

Nhiều năm sau, giữa thành phố tràn ngập ánh sáng đèn và tiếng còi xe, tôi vẫn luôn nhớ mùi vùng cháy trong bếp cũ. Có lần, trong cơn mưa lớn, tôi tìm mua lạc khô, muối hạt, tự rang trên bếp gas. Khói xộc lên, mùi cháy làm nghẹn cổ. Hóa ra, có những ký ức chẳng cần nguyên vẹn, chỉ cần một mùi hương quen thuộc là đủ khiến người ta chên chao...

Cánh đồng quê mẹ

Tôi còn nợ một khoảng trời
Vô ưu mây trắng động lời ca dao
Cánh điều thơ ấu nghiêng chao
Thêm sân hoa khế rụng vào giấc mơ

Tôi còn nợ mãi lời thơ
Khúc ru nhịp võng ầu ở trưa hè
Ngõ làng râm mát bờ tre
Ngõ vòng tay mẹ chở che tháng ngày

Tôi còn nợ một sớm mai
Con chim chèo bẻo chờ ai giọng trầm
Mưa chiều nhỏ giọt lâm thâm
Nhòa trong bóng mắt lặng thầm mái tranh

Bấm vào lòng đất mà xanh
Cánh đồng quê mẹ trĩu nhành lúa thơm
Thương sao những rạ cùng rơm
Bay lên vạt khói chiều hôm nhớ nhà...

 **HOÀNG LAN PHƯƠNG**

Thu ấy anh về

Thu ấy anh về se se gió
Lãng đãng heo may, lãng đãng hương
Đàn bướm xập xòe quanh lối ngõ
Chiều về chậm chậm nắng còn vương.

Thu ấy anh về thơm hương buổi
Ngoài vườn ríu rít tiếng chim ca
Quả chín đầu cành sao hái được
Ngoài hiên thơm khói ấm nước trà.

Thu ấy anh về đồng xanh lá
Sông Đà năm tháng nước đầy vơi
Đồng lúa Tuy Hòa vang tiếng hát
Đường phố lên đèn sáng rực trời.

Thu ấy anh về vàng hoa cúc
Quê nhà chờ đợi mấy mùa thơ
Muôn muốt cờ hoa người đồng đức
Tìm bóng hình anh nước mắt nhòa...

 **TỪ DẠ LINH**

Những miền ký ức

Những miền ký ức gọi tên
Là câu thương nhớ
Để quên lâu rồi.
Nhớ em đi đứng, nói cười
Giọng em khe khẽ
Từng lời đối trao.

Đồng quê lúa hát rì rào
Người quê gặp mặt
Câu chào trao nhau.
Ngoài vườn thoang thoang hương cau
Lá xanh biêng biếc
Giàn trâu mẹ tôi.

Tôi đây xa xứ lâu rồi
Về quê
Trong dạ bồi hồi nhớ mong.
Nhớ gì như thể nhớ sông
Lao xao con sóng
Tiếng lòng lao xao.

Những miền ký ức dạt dào
Ta ươm kỷ niệm
Ngọt ngào gửi em.
Những miền ký ức gọi tên
Em ngày xưa ấy
Nhớ
Quên
Gọi về.

Và ta từ mảnh đất quê
Yêu thương năm tháng
Câu thể thủy chung.
Mai này ngược núi băng rừng
Nhớ câu hẹn ước
Rừng rừng
Trở về.

“Những phút xao lòng” - Bài thơ độc đáo của một nhà báo

THUẬN THẢO

Sáng tác thơ không nhiều nhưng nhà báo, nhà thơ Thuận Hữu có tác phẩm để lại dấu ấn dài lâu trong lòng công chúng văn học. Đó là bài thơ “Những phút xao lòng”.

Có thể vợ mình xưa cũng có một người yêu

(Người ấy gọi vợ mình là người yêu cũ)

Cũng như mình thôi, mình ngày xưa cũng thế

Yêu một cô giờ cô ấy đã có chồng

Mở đầu bài thơ, tác giả nói đến một nét tâm lý khá phổ biến trong đời sống vợ chồng, khi nhớ về quá khứ, nhớ về những mối tình trước khi hai người đến với nhau. Đây là thực tế không thể nào thay đổi, bởi vì ai cũng có quá khứ tình cảm riêng tư trước khi “ván đóng thuyền”.

Tình yêu và tình cảm vợ chồng có một đặc điểm lớn nhất và bao trùm là sự duy nhất, chỉ một người yêu hoặc một vợ, một chồng. Loại tình cảm này không chấp nhận sự chia sẻ cho bất cứ ai, không thể có mặt người thứ hai, có vẻ rất ích kỷ, ích kỷ vô cùng nhưng đó mới chính là tình yêu, tình vợ chồng. Nên có người đã thốt lên rằng: “*Dẫu một phút em ngồi mơ bạn mới / Rồi yêu anh cho lắm cũng bằng thừa*”.

Vậy mà ở đây, nhà thơ lại nói đến chuyện cảm kỷ nhất: những phút xao lòng - mối nguy hiểm đe dọa tình yêu và hạnh phúc gia đình. Liệu rồi sẽ ra sao?

Có thể vợ mình vì những phút mềm lòng

Nên giấu kín những suy tư không kể về giấc mộng

Người yêu cũ vợ mình có những điều mà mình không có được

Cô ấy không nói ra vì sợ mình buồn

Chuyện cũ có thể đã xa xôi theo dòng thời gian mãi miết. Rồi có thể có ngàn lẻ một lý do, quá khứ tưởng chừng ngủ yên lại bỗng nhiên bị đánh thức. Đó chính là những phút xao lòng của con người, rất đời và rất người mà hầu như ai cũng gặp phải. Và trong hồi ức, có thể hình bóng của người yêu cũ hiện lên còn lý tưởng hơn cả trong đời thực, hơn cả người chồng đầu ấp tay gối của mình. Nhưng người vợ cũng biết không nói những điều không nên nói, khi so sánh hai người, lý do thật dễ hiểu và rất nhân văn, tế nhị: vì sợ chồng buồn.

Mình cũng có những phút giây cảm thấy xao lòng

Khi gặp người yêu xưa, với những điều vợ mình không có được.

Nghĩ về cái đã qua nhiều khi như nuốt tiếc

Mình cũng chẳng nói ra vì sợ vợ buồn

Hôn nhân khác tình yêu chính là ở điểm này, nếu tình yêu chỉ cho ta thấy hầu như chỉ có màu hồng thì ngay với những cuộc hôn nhân được xem là lý tưởng nhất vẫn có những bóng

mây u ám đi qua trên bầu trời riêng của đời sống vợ chồng. Người chồng trong bài thơ, nhân vật trữ tình xưng “mình” cũng như người vợ, dù là đàn ông, phái mạnh, được xem là cứng rắn hơn, vẫn không tránh khỏi những phút xao lòng, vẫn nhớ đến mối tình đã qua trước hôn nhân.

Ngỡ như câu chuyện những phút xao lòng sẽ đe dọa hạnh phúc gia đình, làm rạn nứt hôn nhân. Nhưng không, nó vẫn đi trên con đường an toàn, làm yên lòng người đọc.

Sau những lần nghĩ đầu đầu mình thương vợ mình hơn.

Và cảm thấy mình như người có lỗi

(Chắc vợ mình hiểu điều mình không nói

Cô ấy cũng thương yêu và chăm chút mình hơn)

Lại một cảm giác cũng rất thực trong đời sống vợ chồng, sau những phút xao lòng ai cũng có và ai cũng cảm thấy mình như người có lỗi, lại càng chăm chút bạn đời của mình hơn, lại càng có trách nhiệm hơn với hạnh phúc gia đình mà cả hai đều ra sức gìn giữ và vun vén. Đó là tình cảm, lương tâm của những con người sống có trách nhiệm với nhau và có trách nhiệm với chính mình. Họ không để cho cảm giác xao lòng nhất thời cảm dỗ, lôi kéo mình ra khỏi quỹ đạo an toàn. Nó chỉ như một giấc mơ ngắn ngủi, một đám mưa bóng mây thoáng qua trên bầu trời mùa hạ. Mọi chuyện quay lại như cũ, như con lắc đồng hồ dao động, như thể chưa có chuyện gì từng xảy ra.

Mà có trách chi những phút xao lòng

Ai cũng có một thời để yêu và một thời để nhớ

Ai cũng có phút giây ngoài chồng ngoài vợ

Đừng có trách chi những phút xao lòng!

Khổ cuối như một lời khẳng định, một lời tự thú chân thành thường không cần phải nói ra nhưng vẫn khiến người ta hết sức sẻ chia và thông cảm. Ai cũng có những phút giây như thế, cho dù đó là cuộc hôn nhân lý tưởng. Cứ công nhận hiện thực tâm lý này (và dù có không công nhận, nó vẫn tồn tại), để thấy sự phức tạp và đáng quý của hôn nhân, của tình nghĩa vợ chồng. Đó là thông điệp đời thường và rất đời nhân văn của bài thơ.

Tác phẩm là một phát hiện đời thường mà tinh tế, thấy một hiện tượng rất quen đến mức phổ biến mà đọc lên vẫn thấy lạ, lại diễn tả chân thực, không chút màu mè nên chinh phục người đọc. Bài thơ đã chạm được đến nỗi niềm sâu kín trong mỗi con người, những cảm xúc rất chân thực mà hầu hết đã hoặc sẽ trải qua. Đó là cảm xúc rất người, làm phong phú thêm cuộc sống vợ chồng dù ta có muốn hay không và càng nâng giá trị, ý nghĩa cao đẹp của đời sống hôn nhân, khiến những ai đi qua thêm từng trải và trân quý những gì mình đang có.

Khi cơn bão đi qua

TRƯỜNG THỊ THÚY

Mỗi năm, người dân trên mảnh đất hình chữ S yêu thương phải chống chịu với hàng chục cơn bão. Mưa bão, lũ lụt năm nào cũng đến nhưng khi nào cũng đầy ám ảnh. Bởi mưa bão ấy đã bao lần như chiếc chổi xể khổng lồ quét tan hoang làng mạc, cuốn đi bao công sức lao động của con người. Bài thơ “Cơn bão đi qua” của Lưu Thiện Vương tái hiện lại phần nào những mất mát, nhọc nhằn của người dân khi chịu cảnh bão lũ dọa dẫm.

Dường như mưa bão đã là chuyện thường niên muôn thuở vậy mà vẫn chẳng thể quen. Ngay ở khổ thơ đầu, sự không quen đó được thể hiện rất rõ qua từ “thần thờ”. Một trạng thái, một ánh nhìn “trong đáy mắt” cho thấy sự mệt mỏi, hụt hẫng của con người. Bão đã qua rồi, làng còn lại gì sau bão? Con người qua bao ngày chống chọi với mưa gió, bão lụt đã trở nên mệt mỏi, xanh xao, hốc hác. Đưa mắt nhìn chỉ thấy “ếch nhái nhảy hoang cả đồng”. Dù mưa đã ngừng, bão đã qua nhưng nước vẫn chưa kịp rút. “Con thuyền uể oải sang ngang” hay chính lòng người uể oải sau bao ngày gồng mình chống chọi với bão lũ, nhìn lại vẫn mênh mông trắng đồng.

Hiện thực sau bão được tác giả khắc họa một cách rất chân thực, cụ thể qua đoạn thơ thứ hai: *Nâng lên lúa sót vài bông/ Nghe lòng nghèn nghẹn phiêu bồng bát cơm/ Vẩn vơ lủn nhủn cọng rơm/ Trâu bò uống nước máy bơm trôi ngày.*

Hình ảnh vài bông lúa sót, cọng rơm lủn nhủn, trâu bò uống nước máy bơm có sức gợi lớn, sức ám ảnh mạnh mẽ tới tâm trí người đọc. Đầu còn là mùa vàng óng ả, đầu còn cây lúa trĩu bông, đầu còn sự hứa hẹn bội thu với nét cười mùa vụ. Chỉ còn lại sự xa xót đến bất ngờ. Câu thơ “Nâng lên lúa sót vài bông” đọc lên sao rưng rức thương, rưng rức đau. Không quản nắng mưa mệt nhọc chăm bẵm, giờ chỉ còn vài bông lúa sót, hy vọng bát cơm cũng trở nên “phiêu bồng”, bảo sao lòng chẳng “nghèn nghẹn” xót xa. Sự sống sau bão thật không dễ dàng gì. Đối với con người thì “phiêu bồng bát cơm”, đối với vật nuôi thì “uống nước máy bơm” cho qua ngày, bởi nước lụt khắp nơi, cỏ xanh đâu có, ngay cả món ăn “chống đói” - cọng rơm cũng “lủn nhủn” hỏng rồi.

Một chút giận hờn, một chút trách móc cao xanh: “Trời xanh quơ xuống bàn tay trụi trần”, “Ông sang chiếm hết, thằng bần để ai?” ở khổ thơ thứ ba. Nhưng với tinh thần lạc quan, luôn nhìn về tương lai, con người không dễ gì buông xuôi, bỏ cuộc: *Sức người bền bỉ dẻo dai/ Ngàn*

Cơn bão đi qua

Thần thờ cơn bão đi qua
Hiện trong đáy mắt làng ta vơ vàng
Con thuyền uể oải sang ngang
Chập chồm ếch nhái nhảy hoang cả đồng

Nâng lên lúa sót vài bông
Nghe lòng nghèn nghẹn phiêu bồng bát cơm
Vẩn vơ lủn nhủn cọng rơm
Trâu bò uống nước máy bơm trôi ngày

Đất nâu im ỉm giải bày
Trời xanh quơ xuống bàn tay trụi trần
Lấy đâu ăn đủ mười phân
Ông sang chiếm hết, thằng bần để ai?

Sức người bền bỉ dẻo dai
Ngàn năm chinh phục dậm dài thiên nhiên
Bếp nhà lại khói bay lên
Du dương sáo trúc thổi miên man chiều.

Lưu Thiện Vương

năm chinh phục dậm dài thiên nhiên/ Bếp nhà lại khói bay lên/ Du dương sáo trúc thổi miên man chiều.

Phải chăng tinh thần lạc quan, luôn hướng về phía trước ấy được bắt nguồn từ quyết tâm “Có sức người sỏi đá cũng thành cơm” (Bài ca vỡ đất, Hoàng Trung Thông) và từ truyền thống của ông cha ta xưa, với niềm tin “Còn da lông mọc, còn chồi nảy cây”. Với tình yêu lao động, với niềm lạc quan vào “Sức người bền bỉ dẻo dai” thì khó khăn, cơ cực nào, con người cũng có thể vượt qua. Thiên nhiên dù có hung hăng đến bao nhiêu thì cuối cùng cũng bị chinh phục, cũng sẽ hiền hòa lại.

Hai câu cuối bài là mơ ước của tác giả về một cuộc sống thanh bình, yên ả không bão lũ: “Bếp nhà lại khói bay lên/ Du dương sáo trúc thổi miên man chiều”. Đó cũng chính là hình ảnh thân thuộc ở mỗi làng quê Việt Nam với tiếng sáo du dương, với hình ảnh khói bếp quen thuộc gợi về trong mỗi người một mái nhà thân thương, ấm cúng.

Chúng tôi ra với Thủ đô Hà Nội vào dịp đại lễ mừng kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

Trái tim của cả nước rộn ràng, náo nức với muôn vàn sắc hương, dòng người miên man đi như chảy hội non sông. Và hai câu thơ trong sách tập đọc từ thuở nhỏ chọt dọt về trong ký ức: “...*Quê tôi có những mái nhà lá nhỏ/ Bên bờ Cầu Long xa cách sông Hồng/ Nhưng tuổi thơ trong những giờ sử ký/ Theo Quang Trung tôi từng đến Thăng Long...*” (Lê Anh Xuân).

LÊN NÚI THẨM VIỆT PHỦ THÀNH CHƯƠNG

Đã nghe nói nhiều về Việt Phủ Thành Chương nên khi có người khởi xướng đi tham quan chốn này, mọi người đồng tình ngay.

Xe từ trung tâm thành phố chạy lên hướng núi Sóc Sơn, đi ngang qua lối vào đến Gióng, rồi dừng trước cổng Việt Phủ Thành Chương. Một cảnh tượng không gian vừa gần gũi lại vừa mệnh mang, khơi gợi. Chợt nhớ đến tâm tình của Thành Chương - người họa sĩ tên tuổi và cũng là nhà sưu tập cổ vật: “*Tôi luôn tin văn hóa chính là nền tảng phát triển bền vững của xã hội. Di sản văn hóa truyền thống của cha ông ta thật lớn lao và đáng tự hào. Trải qua bao năm tháng thăng trầm, thiên tai, dịch họa triển miên, cộng với ý thức sai lầm của con người, di sản đó đã bị phá hủy, mất mát đi rất nhiều. Tôi xây dựng Việt Phủ không gì khác là nhằm lưu giữ lại những giá trị văn hóa Việt, đã và đang bị mai một, thất truyền. Đó chính là tâm nguyện duy nhất của tôi khi thực hiện nên Việt Phủ Thành Chương*”.

Công trình văn hóa quy mô, bài bản và công phu này là chốn hội tụ của lịch sử, văn hóa, đời sống tâm linh, tín ngưỡng, các giá trị tinh thần vật chất của người Việt hun đúc bao đời mà có. Chính vì vậy không chỉ các báo, đài trong nước mà cả đến



Nhớ gió SÔNG HỒNG...

PHẠM XUÂN DŨNG

những cơ quan truyền thông có tiếng của thế giới như New York Times, CNN... cũng đã thông tin và tôn vinh Việt Phủ Thành Chương.

Mọi người tò đi thăm thú để tìm gọi trong dòng chảy sử ký và hồn vía quê hương đất nước.

DU NGOẠN SÔNG HỒNG

Hôm ấy chúng tôi tham quan theo tour du lịch sông Hồng bằng đường thủy.

Đã quen với những dòng sông hẹp của miền Trung, nay được dịp mở rộng tầm mắt trước mệnh mông phóng túng sông Hồng nên nhiều người trầm trồ trước dòng sông rộng mở, dù đang là những ngày nắng, chưa phải mùa mưa. Ngay tên gọi con sông cũng đã là chỉ dấu giới thiệu dòng chảy chứa nhiều phù sa.

Đã có một nền văn minh sông Hồng tồn tại và phát triển hàng nghìn năm, bồi đắp nên bao lớp trăm tích lịch sử - văn hóa, đó cũng là gốc rễ nước ta khi người Việt đi mở cõi, sống tận mũi Cà Mau hay ngoài hải đảo xa xôi vẫn không

ngươi nhớ về nguồn cội.

Tàu đi qua nhìn những con đê hoành tráng bao quanh đồng ruộng, phố phường mới càng thấy cha ông ta dày công trị thủy để an cư lạc nghiệp muôn đời. Một nhà nghiên cứu từng nhận xét rằng: Người Việt được tô bồi tinh thần đoàn kết, tạo nên truyền thống vô cùng quý báu là nhờ chống giặc ngoại xâm giữ nước và đắp đê chống lũ lụt, bảo vệ ruộng đồng, nhà cửa, vật nuôi. Bồi đánh giặc và đắp đê thì không thể ai làm một mình cả, thậm chí hàng trăm gia đình chưa chắc đã làm nổi, càng đông càng tốt, vì vậy mới như tiếng chim gọi đàn, cố kết và hợp quần để bao đời cùng nhau giữ làng, giữ nước.

Tàu chạy nước càng mệnh mông, nhìn thấy cầu Long Biên sừng sững bắc qua sông Hồng. Cách đây hơn 1 thế kỷ, sông Hồng vẫn rộng mà không có cầu, người Pháp đã quyết định xây cầu, bây giờ chính là cầu mang tên Long Biên dù có người châm biếm đó là ý tưởng điên rồ vì gặp muôn vàn khó khăn về mặt

kỹ thuật. Nhưng rồi cầu đã hoàn thành, trong đó có sự đóng góp từ những bàn tay khéo léo và những đầu óc sáng tạo của nhiều người thợ Việt Nam, đến nỗi viên Toàn quyền Đông Dương Paul Doumer đã phải thốt lên: “Người An Nam chắc chắn là tộc người ưu trội so với các dân tộc xung quanh... Người An Nam thông minh, cần cù và dũng cảm”.

Và Hà Nội cũng là thành phố đầu tiên ở châu Á bắt đầu có điện vào năm 1895, cách đây tròn 130 năm.

ĐI TÌM CHÀNG CHỦ ĐỒNG TỬ

Tàu dừng ở điểm tham quan đầu tiên là cụm Di tích quốc gia đặc biệt Đền Đa Hòa thuộc tỉnh Hưng Yên, nơi tôn thờ Chủ Đồng Tử - vị thần trong tứ bất tử linh thiêng theo quan niệm tín ngưỡng dân gian Việt Nam. Rồi tiếp theo đến đền Hóa Dạ Trạch gần đó, nơi huyền thoại dân gian cho rằng Chủ Đồng Tử và Tiên Dung công chúa hóa về trời.

Chuyện cổ tích về mối tình Chủ Đồng Tử và Tiên Dung công chúa thì nhiều người đã biết. Hướng dẫn viên tóm lược câu chuyện về một chàng trai nghèo khổ đến mức không có khổ để che thân, nên khi nghe có người lạ tắm trên bến sông

thì vui mình xuống cát, vậy mà lấy được công chúa. Sau vợ chồng bươn chải buôn bán thành đạt, lại còn tâm sư học đạo chữa bệnh cứu giúp được bao người, dân gian bao đời còn lưu truyền và ngưỡng vọng.

Đời sau, tiến sĩ, danh sĩ Chu Mạnh Trinh đã có công xây đền mới vào Triều Nguyễn, lại kính cẩn có bài “Dạ Trạch Tiên gia phú” khắc trong văn bia của đền, tụng ca mối lương duyên hiếm có và tài đức giúp dân của vợ chồng Đồng Tử - Tiên Dung, trong đó có những câu nhắc lại chuyện xưa, tích cũ, dịch nghĩa: “...*Tương truyền: May gặp hoàng nữ trên sông, rồi bỗng nên duyên phận/ Biết chăng: Vốn nòi tiên sánh cùng cung ngọc, chẳng có gì sai... Trông hạnh nghìn cây, thuốc hay giúp khắp thôn dân/ Gây đào vạn cửa, lời ca vang cùng làng xóm*”.

“ĐỂ ANH MUA GẠCH BÁT TRÀNG VỀ XÂY...”

Thuyền lại đưa đoàn ghé lại hương thôn cổ với nghề truyền thống danh nổi bốn phương đã truyền tụng trong nhiều câu ca, như: “Ước gì anh lấy được nàng/ Để anh mua gạch Bát Tràng về xây...”.

Mơ lấy được nàng để mua gạch Bát Tràng, rồi sao nữa? “Xây dọc rồi

lại xây ngang/ Xây hồ bán nguyệt, cho nàng rửa chân/ Rửa chân thì rửa chân tay/ Đùng rửa lòng mày, chết cả ao anh”.

Chao ôi, đây có lẽ là bài ca dân dã tỏ tình vào loại hay nhất, mùi mẫn nhất, nói theo ngôn ngữ thời nay thì “nịnh đầm” số một, rất chi ga-lăng. Một chiều nọ, tôi nghe thi sĩ Phạm Văn Bình hát bài ông tự sáng tác “Cá lội băng khuâng” có đoạn đưa bài ca dao này vào. Ca khúc giọng trường, da diết đến nao lòng.

Còn bây giờ, trong nắng vàng như mật, tôi đi quanh co theo lối vào làng cổ, rất đặc trưng Bắc Bộ. Những bức tường, viên gạch ngả màu thời gian như thơ Đoàn Phú Tứ dẫn tôi vào miền hoài niệm bằng bạc ca dao và cổ tích gặp âm nhạc “Hương xưa” Cung Tiến.

Tôi vào chợ Bát Tràng, không phải mua gạch cho ai cả mà là mua nỗi nhớ đọng đầy như nước sông Hồng, để rồi vào lại phương Nam mỗi khi nghe gió giao mùa xao xác lại ngóng về những bãi phù sa tím tấp...

Nơi ấy, có Hà Nội cổ kính, uy nghiêm và nỗi nhớ miên man như gió trời tưởng chừng không dứt cứ chạy dọc theo châu thổ sông Hồng!



Đền Hóa Dạ Trạch. Ảnh: X. Dũng



Người Chu Ru có nhiều nét văn hóa tương đồng với người Chăm. Ảnh: T. Biểu

Mối thâm tình Chăm và Chu Ru

UÔNG THÁI BIỂU

Những chứng tích, sử liệu, văn nghệ dân gian đã cho thấy sự hiện hữu của người Chăm ở Tây Nguyên. Trong đó, mối quan hệ giữa dân tộc Chăm và dân tộc Chu Ru từ trong lịch sử đã hết sức thâm tình.

Cùng các nguồn sử liệu, chúng tôi đã tiến hành nhiều cuộc điền dã về với đồng bào Chu Ru để tiếp nhận sâu sắc hơn về mối dây liên hệ giữa người Chu Ru và người Chăm.

MỘT MỐI THÂM TÌNH

Người Chu Ru quần cư ở triền thấp nhất của miền Tây Nguyên và họ có một số phận lịch sử đặc biệt. Tộc người này đã trải qua những

thăng trầm dâu bể, cũng giống những ngọn núi xứ sở nổi dài về biển, hình như họ có cội rễ sâu xa đâu đó dưới đồng bằng. Ông Ya Loan, một người Chu Ru, lý giải: “Trong ngôn ngữ xưa, từ “churu” có nghĩa là “người xâm đất”. Tổ tiên chúng tôi có lẽ là người miền biển. Vào thời nào đó thuộc đế chế Chăm Pa, họ đã phải dứt áo khỏi bản quán, cố hương”. Có lẽ bởi gốc gác đó mà người Chu Ru bây giờ vẫn nói được tiếng Chăm, giỏi dẫn thủy nhập điền làm ruộng nước, giỏi đánh cá, biết tìm đất sét tốt nặn và nung gốm, biết đúc nhẫn bạc, biết mang hàng hóa đi buôn bán khắp nơi. Những nghề đó không phải là thế mạnh của nhiều tộc người bản địa Tây Nguyên.

So với người Mạ, K’Ho, M’nông,

Êđê... tụ cư lâu đời, người Chu Ru là thành viên mới của Tây Nguyên. Thời điểm gọi là “mới” ấy, theo giả thiết, cũng cách đây cỡ ba, bốn thế kỷ. Tồi lật tư liệu, nhân chúng học chứng minh, người Chu Ru và người Chăm đều thuộc chủng tộc Austronesia, cùng chung ngôn ngữ Malayo-Polynesia thuộc ngữ hệ Nam Đảo. Trang phục, nhạc cụ, truyện cổ, trường ca, dân ca, dân vũ Chăm và Chu Ru cũng thể hiện rõ mối quan hệ gần gũi, thân thiết giữa hai tộc người. Truyền thuyết của người Chu Ru cũng kể rằng, một thời binh lửa can qua, các vị vua Chăm và gia tộc từng bị truy đuổi. Trên bước đường lưu lạc, họ đã chọn miền đất của người Chu Ru để gửi thân nương náu, để ủy thác

thờ cúng và trông coi bảo vật tổ tiên. Phải chăng, bởi tinh thần cội rễ nên có sự tin cậy trao gửi?

Trong một bài viết, nhà biên khảo Nguyễn Vĩnh Nguyên phân tích: “Con đường nối cao nguyên Lang Bian với thung lũng sông Cái - thuộc Ninh Thuận (cũ) nay thuộc tỉnh Khánh Hòa - trước kia là một lộ trình heo hút vượt qua những dốc núi dựng đứng, rừng thiêng nước độc. Nhưng với người Chăm ở vùng duyên hải Phan Rang, Phan Rí thì đó là mặt đạo quyết định sự sinh tử của cộng đồng khi sắc dân này bị những thế lực xâm nhập dồn vào thế cùng. Người Chăm gọi Dran (Lâm Đồng) là Padrang. Vào thế kỷ 19, vùng Dran chính là cứ điểm khi người Chăm ở Phan Rí, Phan Rang lui về đây trú ẩn và gây dựng lại lực lượng mỗi khi bị nhà Nguyễn dồn vào thế cùng. Điều này lý giải vì sao tộc người Chu Ru ở vùng Dran xưa lại thấm sâu văn hóa Chăm, từ kỹ nghệ làm gốm cho đến dệt thổ cẩm, tín ngưỡng và ngôn ngữ...”. Ngược lại, trong dân gian Chăm còn lưu truyền một bản Ariya (trường ca) kể về một thủ lĩnh Chăm là Damnuy Ppo Pan lên vùng Chu Ru ở vùng hạ nguồn sông Đa Nhim, thay vì nuôi chí phục quốc thì lại có đời sống phóng đãng với các cô gái Chu Ru, đức hạnh trượt dài, sự nghiệp trôi mất...

Có một điều thú vị, ông Ya Loan và ông Ya Ga ở vùng Đơn Dương đều kể về những cuộc “Nau dra” (đi chơi chợ) của người Chu Ru. Những chuyến đi của họ dài hàng tháng trời. Hướng họ tìm về là vùng duyên hải. Phải chăng, từ những chuyến về đồng bằng như thế, người Chu Ru thỏa nỗi nhớ biển từ trong tâm thức, cái nhớ cội nguồn mà ngày xưa tổ tiên họ rời bỏ để làm cánh chim thiên di mang theo số phận tộc người lên rừng núi xa xôi?

TRUY DẤU VỀ SỰ ỦY THÁC LỊCH SỬ

Sự ủy thác thiêng liêng về việc thờ cúng và bảo vệ những báu vật của tổ tiên người Chăm đối với

người Chu Ru là một minh chứng hết sức rõ nét.

Các tài liệu cũ cho biết, trước đây ở Lâm Đồng chính thức có ba địa điểm chứa bảo vật của vương triều Chăm Pa mà cả ba nơi này đều là không gian sinh sống tập trung của đồng bào Chu Ru. Đó là buôn Lobui (nay thuộc xã Đơn Dương); đền Krayo và đền Sópmadronhay nay thuộc xã Tà Năng. Có thể nói rằng, có một sự ủy thác lịch sử của người Chăm và người Chu Ru.

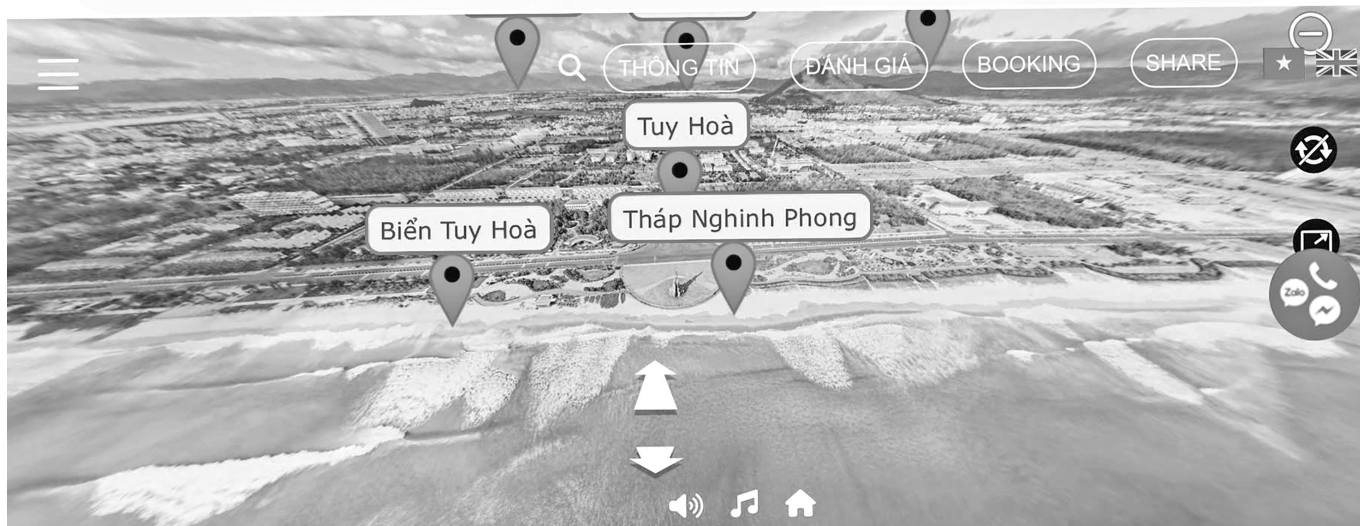
Các kho tàng chứa bảo vật Chăm ở Lâm Đồng đã nhiều lần được các nhà sử học người Pháp tới khảo sát trong những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20. Ví như, năm 1902, hai nhà khảo cứu H.Parmentier và I.M.E Durand đã đến thăm hai ngôi đền nói trên. Trước khi đến, họ đến Phan Rí nhờ một bà cụ công chúa Chăm dẫn đường thì người Chu Ru mới mở cửa đền. Năm 1905, qua bài khảo cứu “Letresor des Rois Chams” trong tập kỷ yếu “EC cole Francaise Dêtrêeme Orient”, tác giả Durand đã công bố về các kho tàng nói trên. Năm 1929 - 1930, nhà khảo cổ học tới thăm các kho tàng này và đã viết bài về các bảo vật lưu giữ tại đây và đăng trong kỷ yếu của Viện Viễn Đông bác cổ, tập 30. Năm 1955, nhà dân tộc học Jacques Doune, trong cuốn “En sui vant la piste des houes sur les hauts plateaux du Vietnam” cũng đã đề cập khá chi tiết về kho báu Chăm ở vùng Tuyên Đức (Lâm Đồng ngày nay).

Cuộc khảo sát kỹ lưỡng nhất về kho tàng bảo vật Chăm Pa này thuộc về đoàn của giáo sư Nghiêm Thẩm vào tháng 12/1957. Trong chuyến khảo sát này, đoàn của ông Nghiêm Thẩm đã đến cả ba địa điểm: buôn Lobui, đền Krayo và đền Sópmadronhay. Theo mô tả của ông Nghiêm Thẩm vào thời điểm đó thì ở Lobui có ba điểm cất giữ các báu vật Chăm: nơi chứa các đồ vật quý, nơi để đồ sứ và nơi để y phục. Bảo vật ở đây

cũng không có nhiều. Đựng trong một giỏ tre có 4 cái chén bằng bạc, mấy chiếc chén nhỏ bằng đồng và ngà voi. Ngoài ra, còn có 2 cái vành mũ của vua, một cái bằng bạc và một cái bằng vàng pha đồng. Các đồ sứ như bát, đĩa được đặt trong một cái hố đào sẵn ở trong một căn nhà riêng biệt. Chủ yếu ở đây là những chén bát sứ thông dụng của người Chăm. Còn y phục thì phần nhiều đã bị mục nát. Đồng bào Chu Ru ở buôn Lobui cho biết, hằng năm đến tháng 7, tháng 9 theo lịch của người Chăm (tức là tháng 9 và tháng 11 dương lịch), những đại diện người Chăm từ biển lên làm lễ cúng tại những nơi chứa đồ vàng bạc, y phục và đồ sứ ở buôn này.

Tại đền Sópmadronhay, từ những thông tin trên các con dấu và ấn tín tìm thấy cùng với tra cứu sử liệu, phái đoàn của ông Nghiêm Thẩm cho rằng, những con dấu và ấn tín trên đây là của một phiên vương Chăm tên là Môn Lai Phu Tử. Lý giải này bám theo lịch sử nhà Nguyễn, trong “Đại Nam thực lục chính biên” và “Đại Nam chính biên liệt truyện” có chép: Năm Canh Tuất 1790, con vua Chăm ở trấn Thuận Thành là Môn Lai Phu Tử đem liên thuộc và dân chúng theo vua Gia Long đánh quân Tây Sơn. Sau được phong chức Chương cơ và được lấy tên Việt là Nguyễn Văn Chiêu. Nhưng ít lâu sau đó, Chiêu phạm tội và bị cách chức. Có lẽ, sau đó Môn Lai Phu Tử đã mang theo những người thân thuộc lên miền núi lánh nạn và sống với đồng bào Chu Ru. Vì vậy, mới thấy các ấn tín, triều phục và đồ dùng bằng vàng, bạc của phiên vương này tại đền Sópmadronhay thuộc đất buôn Sóp của người Chu Ru.

Suốt hàng trăm năm qua, đồng bào Chu Ru vẫn trọn mối thâm tình, vẫn giữ lời gửi gắm của đồng bào Chăm, vẫn không lãng quên trách nhiệm thờ cúng hoàng thất Chăm Pa...



Một trang màn hình giới thiệu các điểm đến du lịch của Đăk Lăk trên trang du lịch thực tế ảo phuyenvrtour. Ảnh: T. Quới

DU LỊCH THỰC TẾ ẢO

Cánh cửa mới của du lịch hiện đại

TRẦN QUỚI

Trong kỷ nguyên công nghệ số, du lịch thực tế ảo (VR - Virtual Reality) không còn là khái niệm mới mà đã trở thành xu hướng tất yếu của ngành du lịch hiện đại. Thay vì phải di chuyển, du khách có thể khám phá điểm đến bằng kính VR hoặc nền tảng 3D, sống trong không gian mô phỏng trung thực, sống động.

VR - BƯỚC TIẾN TRONG QUẢNG BÁ DU LỊCH VIỆT NAM

Lợi ích lớn nhất của VR là tiếp cận du khách toàn cầu. Bằng không gian 360 độ, du khách ở bất cứ đâu

cũng có thể chiêm ngưỡng cảnh đẹp Việt Nam, giúp quảng bá hiệu quả mà không giới hạn địa lý. Tại Halong Wonder Park (Quảng Ninh), du khách có thể nhập vai khám phá vịnh Hạ Long qua kính VR; Sun World Ba Na Hills (Đà Nẵng) đưa người chơi trượt tuyết trong không gian ảo; Vinpearl Nam Hội An giúp khám phá rừng nhiệt đới bằng VR. Một số khách sạn cao cấp như JW Marriott Phú Quốc Emerald Bay còn có phòng VR chuyên biệt để du khách trải nghiệm thế giới ảo giữa kỳ nghỉ dưỡng.

Không chỉ xuất hiện trong các khu du lịch, công nghệ VR còn được ứng dụng trong hội chợ và triển lãm du lịch. Tại Tokyo, "Vietnam House" đã sử dụng VR giới thiệu không gian danh lam thắng cảnh và sản phẩm

nông nghiệp Việt Nam. Ở Hội chợ Du lịch quốc tế Việt Nam (VITM 2020), du khách được trải nghiệm tour VR dạo phố cổ Hội An hay chiêm ngưỡng các di sản nổi tiếng trên toàn quốc.

Đáng chú ý, nền tảng "VR360 Tour" số hóa hàng loạt điểm du lịch trong nước như Sa Pa, Hạ Long, Huế, Hội An, TP. Hồ Chí Minh... Trong lĩnh vực bảo tàng - di tích, tour VR hang Sơn Đoòng, VR360 Hoàng thành Thăng Long, Văn Miếu, Hòa Lò hay chương trình "Đi tìm Hoàng cung đã mất" ở Huế đã mang đến cách tiếp cận mới mẻ, hấp dẫn và trực quan với lịch sử - văn hóa Việt. Nhờ VR, các hiện vật, di tích có thể được giới thiệu đến công chúng mà không bị ảnh hưởng vật lý. Việc số hóa điểm đến giúp giảm áp lực lên di

tích thật, bảo vệ cảnh quan tự nhiên và hiện vật quý.

Tại tỉnh Đắk Lắk, thời gian qua, ngành văn hóa - du lịch đã và đang đẩy mạnh ứng dụng công nghệ này; số hóa dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu thuyết minh tự động (Audio guide) tại các di tích lịch sử quốc gia đặc biệt như Nhà đày Buôn Ma Thuột, Biệt điện Bảo Đại, đình Lạc Giao, đồng thời số hóa hiện vật tại Bảo tàng Phú Yên và Bảo tàng Đắk Lắk, tạo ra trải nghiệm tham quan ảo 3D. Nhiều điểm du lịch nổi tiếng như hồ Lắk, thác Bìm Bịp, hang đá Ba tầng, buôn Jun, buôn Mliêng... cũng đang được số hóa để phục vụ khách.

Hiện nay, VR đặc biệt thu hút du khách trẻ - nhóm ưa khám phá và am hiểu công nghệ. Với họ, du lịch ảo là cách khởi đầu hấp dẫn trước khi đặt chân đến điểm thật, đồng thời là nội dung dễ lan tỏa trên mạng xã hội.

Người dùng Trần Mỹ Uyên (phường Đông Hòa) chia sẻ: “Trải nghiệm VR rất chân thật, giúp tôi khám phá cảnh đẹp quê hương Phú Yên và vùng phía Tây Đắk Lắk mà chưa có dịp đến”. Trong khi đó, chị Ngọc Hoàn (Hà Nội) cho biết: “Nhờ tour du lịch ảo, tôi có thể du lịch miễn phí đến những nơi xa xôi - một trải nghiệm thú vị và hữu ích”.

Khi công nghệ thực tế ảo ngày càng phát triển, du lịch thực tế ảo không chỉ là xu hướng mà đang trở thành một phần thiết yếu của ngành du lịch Việt Nam. VR không thay thế du lịch thật, mà mở đường cho du lịch thật phát triển mạnh hơn - bởi những ai đã “đi ảo” sẽ càng khao khát được đi thật.

ĐẮK LẮK XÂY DỰNG NỀN TẢNG SỐ CHUYÊN BIỆT CHO DU LỊCH

Sau khi hợp nhất từ hai tỉnh Phú Yên và Đắk Lắk (cũ), vùng đất Đắk Lắk mới sở hữu cả vẻ đẹp đại ngàn Tây Nguyên lẫn biển xanh Phú Yên, tạo tiềm năng phát triển đa dạng loại hình du lịch. Trong xu thế chuyển đổi số hiện nay, việc ứng dụng công nghệ VR trong quảng bá và quản lý du lịch được xem là bước đi tất yếu.

Theo Sở VH TT & DL Đắk Lắk, tỉnh đang tập trung xây dựng nền tảng số phục vụ quảng bá du lịch: nâng cấp Trang thông tin du lịch Đắk Lắk tại địa chỉ dulichdaklak.gov.vn; phát triển kênh truyền thông trên mạng xã hội (Fanpage, YouTube...);

vận hành hotline du lịch 24/7; ứng dụng thuyết minh tự động (Audio guide) và trưng bày 3D trên nền web hienvatdaklak.baotangso.com; thực hiện quét 3D chuyên để “Trang phục truyền thống các dân tộc ở Đắk Lắk”; trải nghiệm VR tại địa chỉ demo-map.vietnaminfo.net/tours/baotangdaklak; tích hợp mã QR tại di tích, danh thắng để khách tra cứu thông tin tức thì qua điện thoại...

Tất cả nhằm tạo hệ sinh thái du lịch số đồng bộ, giúp du khách dễ dàng tiếp cận thông tin, đồng thời nâng cao hình ảnh địa phương trên nền tảng trực tuyến.

Một điểm nhấn đáng chú ý là Dự án “Đắk Lắk - Phú Yên VR Tour” do anh Nguyễn Phạm Bảo Hậu khởi xướng. Trang web phuyenvrtour.com từng là nền tảng du lịch thực tế ảo đầu tiên của Phú Yên, nay được mở rộng sang Đắk Lắk, giới thiệu các điểm đến, văn hóa, ẩm thực và đời sống cộng đồng các dân tộc vùng Tây Nguyên. Website của anh Hậu hiện thu hút hàng nghìn lượt truy cập, trở thành kênh quảng bá văn hóa - du lịch sinh động cho cả hai vùng đất, góp phần khơi gợi niềm tự hào địa phương và kích thích du khách tìm đến trải nghiệm thực tế.

Theo ông Trần Hồng Tiến, Giám đốc Sở VH TT & DL Đắk Lắk, tỉnh sở hữu lợi thế hiếm có khi hội tụ “Đại ngàn hùng vĩ - Biển xanh trải rộng - Văn hóa đặc sắc”. Để phát huy tiềm năng đó, việc xây dựng và phát triển các nền tảng số chuyên biệt phục vụ du lịch là nhiệm vụ cấp thiết, mang ý nghĩa chiến lược. “Phát triển du lịch số không chỉ là nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn là con đường bền vững để hội nhập quốc tế, đưa Đắk Lắk trở thành điểm đến hấp dẫn, thân thiện, hiện đại”, ông Tiến khẳng định.

Công nghệ VR đang từng bước đưa hình ảnh đất nước, con người Việt Nam nói chung, Đắk Lắk nói riêng lan tỏa đến toàn cầu. Đó không chỉ là câu chuyện của công nghệ, mà là bước chuyển mình của tư duy du lịch hiện đại - nơi trải nghiệm, sáng tạo và cảm xúc cùng song hành.



Các bạn trẻ thích thú khi trải nghiệm du lịch thực tế ảo VR ngay tại quán cafe. Ảnh: T. Quới



Mùa măng rừng TÂY NGUYÊN

✎ MINH CHI

Người dân xã Đắk Nuê bóc măng ở bìa rừng trước khi đem về. Ảnh: M. Chi

Vào mùa mưa, khoảng từ tháng 7 đến tháng 11 hằng năm, rừng núi Tây Nguyên lại ban tặng cho con người một thức quà đặc sắc - những búp măng rừng tươi ngon.

Măng là loại thực phẩm dân dã, thân thuộc, là một phần không thể thiếu trong văn hóa ẩm thực của đồng bào Tây Nguyên. Lấy măng là sinh kế thời vụ của nhiều người dân ven rừng.

Khi mùa mưa đến, chị H'May Byă (buôn Ea Mar, xã Buôn Đôn) lại bắt đầu mùa măng mới. Chị cho biết, từ nhiều năm nay, vào rừng bẻ măng là công việc của nhiều người trong buôn. Trước đây, rừng bạt ngàn, mưa đến, đất đủ độ ẩm thì chỉ cần đi quanh buôn cũng tha hồ bẻ măng. Nhà nào cũng đi lấy măng về làm món ăn. Nay diện tích rừng suy giảm, măng ít đi, người dân phải đi xa, lội suối đến những khu rừng sâu mới lấy được măng.

Người đi lấy măng thường phải thức dậy từ rất sớm, chuẩn bị cơm nắm, nước uống, gùi và một chiếc rựa sắc bén. Người lấy măng rừng phải có sức khỏe để đi rừng, mắt tinh để phát hiện những búp măng đẹp thường nằm ở những chỗ rậm rạp hay bị vùi dưới lớp lá rụng. Nếu búp măng mới nhô lên mặt đất thì phải đào bới, măng cao được khoảng gang tay thì có thể bẻ, còn cao hơn nữa thì dùng rựa chặt. Măng mọc nhanh nên chỉ khoảng một tuần cho đến 10 ngày là có thể quay lại chỗ cũ để lấy lứa măng tiếp theo. Một nguyên tắc rất hay của người đi lấy măng, nhất là đồng bào Êđê, M'Nông là họ không xâm hại rừng, không bẻ, chặt hết măng quanh bụi mà trừ lại một ít búp để cây tre tiếp tục sinh sôi, phát triển.

Nói về nghề lấy măng rừng, anh Nguyễn Văn Hà (thôn 6 Cú M'lan, xã Ea Súp) cho hay, những người đi lấy măng thường rủ nhau theo nhóm, vào rừng thì chia nhau đi, cuối ngày tập hợp lại cùng về. Trước đây, khi mới vào nghề, chưa có kinh nghiệm, có lần trời đã sắp tối mà chưa tìm được lối ra khỏi rừng nên anh rất hoang mang,

sợ hãi. May là sau đó, có hai người trong đoàn quay lại tìm dẫn ra. Với người đi lấy măng rừng, việc bị cành cây cào đâm chảy máu, rách da, hay muỗi, vắt cắn, ong chích sưng hết người là chuyện bình thường. Bên cạnh đó, mùa măng, trời hay mưa, đường trơn trượt, chỉ cần một chút lơ là bất cẩn là trượt té. Thậm chí, có người gặp cả rắn độc. Dù vất vả, nghề lấy măng rừng mang lại thu nhập ổn định cho người dân. Anh Hà chia sẻ, trung bình mỗi ngày anh có thể lấy được khoảng 40 - 50 kg măng tươi, ngày nào may mắn thì được nhiều hơn, bán giá trung bình 10.000 đồng/kg, nếu chịu khó làm sạch và luộc chín thì giá bán cao hơn.

Trong số các loại măng rừng, măng le là loại ngon nhất, được xem là "nữ hoàng" của các loại măng. Măng le rừng có đặc điểm nổi bật là đặc ruột, có vị ngọt và bùi, chứ không đắng, chát như các loại măng khác. Đặc biệt, măng le ngon nhất khi lấy ở thời điểm búp măng cao chừng nửa gang tay. Măng le có độ giòn sần sật đặc trưng, mang đến cảm giác lạ miệng, thích thú khi thưởng thức.

Trong đời sống người Tây Nguyên, măng là món ăn thân thuộc hằng ngày. Ấn tượng nhất là măng nấu vech (vách) bò. Những búp măng le tươi sau khi hái về sẽ được nướng nguyên trên bếp lửa cho đến khi cháy hết lớp vỏ ngoài. Sau đó, người ta tắt lửa, nướng than cho măng chín bên trong rồi để nguội, bóc cạo lớp vỏ ngoài, rửa sạch và cắt nhỏ. Khi nấu, phải tạo dầu cùng ớt xanh, hành và xào cho măng thấm đều gia vị rồi cho vech bò vào. Tất nhiên, nấu món này không thể thiếu cà đắng - đặc sản của người Tây Nguyên. Món này mang đến một cảm nhận đặc biệt với vị đắng đắng, dai dai, béo nồng của vech, cay của ớt, thơm giòn của măng. Du khách phương xa một lần đến xứ sở cà phê thưởng thức món này sẽ nhớ mãi hương vị của núi rừng Tây Nguyên.

Không chỉ là món ăn hằng ngày hay thứ quà biếu dân dã, giờ đây măng le thành món hàng đặc sản vùng miền. Măng tươi được các thương lái thu gom, luộc sơ rồi chở đi Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, vào các siêu thị, nhà hàng. Bên cạnh đó, tại địa bàn các xã vùng sâu, vùng xa như Krông Bông, Nam Kar, Buôn Đôn, Ea Súp... có nhiều cơ sở sản xuất măng khô. Sản phẩm này giá cao hơn nhiều vì khoảng 8 - 10 kg măng tươi mới được 1 kg măng khô thành phẩm.

Bông giò...

“quả” Nấu!

THẢO MINH LINH

Khi bắt đầu những cơn mưa thu, đất bắt đầu dịu mát. Những cơn mưa tiếp theo, đất mềm bầy ra, đó là lúc bông giò xuất hiện!

Một buổi sớm mai, bước ra vườn nhà bỗng thấy một loại hoa (mà chẳng thấy thân lá ở đâu) mọc lên từ mặt đất với sắc tím nhẹ và hương thơm cũng thật nhẹ, thật khó tả. Ấy là buổi sáng sớm, sau những cơn mưa giải hạn đầu thu, loài bông hoa tinh tú của đất trời xuất hiện thình lình, ngạc nhiên: Bông giò!

Mùa mưa là mùa của cá đồng, cá sông. Khi mưa xuống, nước sông, nước đồng lên, đầy phù sa, phù du là mùa sinh sôi nảy nở của các loài cá. Bởi thế nên mùa này cá đồng béo ngậy, xương mềm, thịt ngọt. Sự trùng hợp ngẫu nhiên và trở thành không thể thiếu là trong các món ăn từ cá đồng luôn luôn có bông giò. Cái mùi vị của nó đã làm món ăn trở nên ngon hơn, thăng hoa, đi vào tiềm thức.

Bông giò không phải nguyên liệu chính của món ăn nhưng vào mùa mưa thu mà các món cá đồng không có loại nguyên liệu đặc biệt này thì món ăn mất ngon, mất cả hồn cốt đồng quê. Bông giò nộm canh, cá kho, khủi bột mùi tanh, tạo nên một mùi thơm thật đặc biệt. Đến mùa nở rộ, bông giò hái được cả thúng, người ta nghĩ ra nhiều món với bông giò: đồ bánh xèo, luộc, xào tỏi chấm mắm ớt dầm...

Với người đồng quê thì bông giò là vua trong các loại rau gia vị cho các món cá đồng. Còn với người



Bông giò tím ngắt, nổi bật giữa mâm rau gia vị. Ảnh: T.M.Linh

dân miền núi thì bông giò vững ở vị trí đầu tiên với các món gỏi với cá suối, thịt gà, thịt heo, thịt bò... Và trong sự giao lưu trao đổi, bông giò đến với người dân miền biển lại cũng trở thành món gia vị đỉnh cao cho món kho mẳn, canh chua, canh ngọt, um xào với các loài cá biển...

Cây bông giò thuộc loài thân thảo, bông và lá giống nghệ, có vị cay họ gừng. Hoa cánh mỏng, màu tím nhạt pha sắc sáng trắng, nhụy hoa màu vàng tươi, hương thơm nồng nàn. Bông giò có những cánh xếp tầng như hoa lục bình, cao khoảng một gang tay, từ búp tới nở hoàn toàn chỉ vài ba ngày, gặp trời mưa thì bông giò sẽ tàn nhanh hơn. Mỗi năm, bông giò nở từ tháng 7 tới tháng 10 âm lịch. Thời gian đầu,

hoa nở liên tục, càng về sau ít hoa và dứt hẳn, chỉ còn lá. Lá non, chồi non cũng có mùi thơm, nên khi hoa không còn người ta dùng lá để nộm đồ ăn, mùi thơm dịu nhẹ. Cũng lạ, hình như chỉ có xứ Nẫu mới có loại hoa này.

Tháng cuối năm, bông giò bắt đầu trụi khô lá, lặn xuống đất, sang mùa hè năm sau người ta đào củ luộc ăn. Củ bông giò lớn bằng ngón tay cái người trưởng thành, có hình thoi, phình to ở giữa, dài khoảng 3 cm. Củ bông giò luộc ăn có bột dẻo, vị ngọt, thơm, rất ngon. Bột củ bông giò có tính mát, bổ dưỡng, pha làm nước giải khát trong những ngày nắng gắt.

Hết mùa, bông giò lặn sâu vào đất, chờ mưa thu là nhú lên, như có hện. Và nhú lên khỏi mặt đất không phải là mầm, là lá, mà là hoa!

Cứ đúng năm, tháng, ngày giờ, gặp những cơn mưa thu là bông giò bung mầm hoa từ đất, trỗi lên. Có lẽ vì yếu tố mùa (thời gian) này mà người ta đặt tên là bông giò.

Bông giò thường mọc thành những tràng lớn, thành đám, thành gié liền nhau. Xuất phát từ đặc điểm này nên nó cũng được gọi bông gié. Do đặc điểm phát âm của người dân nơi đây không phân biệt ê/ơ, âm “ê” khó phát âm, nên phần lớn chuyển thành “ơ” “quê - quơ”, “tê - tợ”, “gié - giò”...

Theo cách giải thích trên thì cả hai tên gọi: bông giò hay bông gié cũng là một, là chính nó, là chính cái mùi thơm nồng nàn hương vị đặc trưng gắn với cọng rau, con cá quê mùa, nuôi biết bao thế hệ khôn lớn thành người. Bông giò càng trở nên đặc biệt hơn giữa cuộc sống hiện đại, bởi nó thật tinh khiết, trong lành lớn lên giữa đất trời, được tưới tắm bằng những cơn mưa thu, tạo nên hương vị đậm đà quê hương.

Bông giò đã trở thành ký ức, kỷ niệm của nhiều người dân quê xứ Nẫu, như câu ca dao: *Ai địa làm rế Phú Yên/ Bông giò thơm phúc anh giển khó quên/ Nẫu mê canh nấu bông giò/ Ông mau thức dậy đặt lờ đi ông.*

Những doanh nhân LÀM THAY ĐỔI BÓNG ĐÁ VIỆT NAM

DẶNG TRIỀU

Bằng tất cả tâm huyết, khát vọng cháy bỏng với trái bóng tròn, nhiều doanh nhân đã góp sức, làm chuyển mình cả một nền bóng đá Việt Nam, biến ước mơ của hàng triệu trái tim người hâm mộ thành hiện thực.

Gần 20 năm trước, ít ai nghĩ Việt Nam có thể có một học viện bóng đá hiện đại, liên kết với câu lạc bộ danh tiếng hàng đầu nước Anh là Arsenal. Nhưng doanh nhân Đoàn Nguyên Đức (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai) đã biến điều tưởng chừng viễn vông ấy thành hiện thực.

Từ Học viện Hoàng Anh Gia Lai - Arsenal JMG, những tên tuổi như Công Phượng, Tuấn Anh, Xuân Trường, Văn Toàn, Hồng Duy... được đào tạo bài bản, đã góp phần tạo nên kỳ tích cho bóng đá nước nhà, đoạt ngôi Á quân U23 châu Á 2018, mở ra một kỷ nguyên mới cho bóng đá Việt Nam.

Không dừng lại ở đó, "bầu Đức" còn tiên phong trong việc đưa cầu thủ Thái Lan về Pleiku thi đấu, chỉ với một mục tiêu: giúp cầu thủ Việt cọ xát, vượt qua nỗi sợ "người Thái". Có lẽ khó tính toán được chính xác con số thực tế mà ông đã đầu tư vào bóng đá là bao nhiêu. Song với "bầu Đức", bóng đá không phải là một dự án, bài toán kinh doanh, mà xuất phát từ tình yêu lớn lao với bộ môn túc cầu.

Nếu "bầu Đức" được ví như người mở đường cho bóng đá chuyên nghiệp, thì "bầu Võ Quốc Thắng" (Công ty Cổ phần Đồng Tâm) lại là người tạo dựng một trong những thời kỳ rực rỡ nhất của bóng đá Việt Nam. Dưới sự đầu tư của ông, Gạch Đồng Tâm Long An giành hai chức vô địch V.League liên tiếp (2005 và 2006), trở thành biểu tượng của tinh thần bóng đá miền Tây hào sảng, máu lửa.

Không dừng lại ở đó, "bầu Thắng" còn trực tiếp sang Bồ Đào Nha mời huấn luyện viên Henrique Calisto về làm Giám đốc kỹ thuật. Khi đội tuyển Việt Nam cần một chiến lược gia giỏi, ông sẵn sàng để Calisto lên tuyển - và rồi, nhà cầm quân người Bồ cùng các học trò mang về chức vô địch AFF Suzuki Cup 2008, danh hiệu đầu tiên trong lịch sử bóng đá nước nhà.

Song hành với đó, doanh nhân Võ Quốc Thắng còn tài trợ cho Cúp quốc gia, giải hạng Nhất, giúp duy trì nền bóng đá chuyên nghiệp trong giai đoạn còn non trẻ. Những đóng góp của ông không chỉ nằm ở danh hiệu, mà còn ở cách ông truyền cảm hứng về sự tận tâm và cống



Các doanh nhân Võ Quốc Thắng, Đoàn Nguyên Đức và Trần Thanh Hải (từ phải sang) - những người có nhiều đóng góp cho sự phát triển của bóng đá Việt Nam. Ảnh: Trí Nguyễn

hiến trong suốt thời gian ông nắm giữ cương vị Chủ tịch VPF từ năm 2011 - 2017.

Không sở hữu đội bóng, không xuất hiện nhiều trên truyền thông, nhưng doanh nhân Trần Thanh Hải, Chủ tịch Công ty Cổ phần Thực phẩm dinh dưỡng NutiFood là cái tên được nhắc đến với tất cả sự trân trọng. Còn nhớ năm 2018, khi bóng đá Việt Nam đối mặt khó khăn tài chính, ông đã đứng ra tài trợ cho V.League 40 tỷ đồng - khoản kinh phí rất lớn thời điểm đó. Cùng với đó ông còn đồng hành, đứng phía sau hậu trường, tài trợ chính tổ chức Giải U19 quốc tế, sân chơi tìm kiếm những "viên ngọc thô" của bóng đá trẻ.

Bên cạnh "bầu Đức", "bầu Thắng", "bầu Hải", bóng đá Việt Nam còn ghi nhận những doanh nhân gắn bó lâu dài và bền bỉ với bóng đá. Đó là "bầu Hiến" (Đỗ Quang Hiến) - người xây dựng Câu lạc bộ Hà Nội, đóng góp hàng loạt tuyển thủ quốc gia; hay "bầu Thụy" (Nguyễn Đức Thụy) từng vực dậy bóng đá Sài Gòn Xuân Thành; hoặc Nguyễn Văn Thiện - nhà tài trợ chính cho câu lạc bộ bóng đá Nam Định...

Mỗi người một hành trình, một cách cống hiến khác nhau, nhưng tất cả đều gặp nhau ở một điểm: tình yêu cháy bỏng với bóng đá Việt Nam. Thế nên có thể ví nếu cầu thủ là linh hồn của những trận đấu, thì các doanh nhân, những "ông bầu" chính là người thắp lửa phía sau ánh đèn sân cỏ. Họ dám mơ, dám làm, sẵn sàng đánh đổi, thậm chí chấp nhận hy sinh những lợi ích kinh tế vì giấc mơ nâng tầm bóng đá Việt.



Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về thể thao lần thứ 8 để ra chiến lược hướng đến một nền thể thao xanh.

Ảnh: Cục TDTT

Hướng đến một nền THỂ THAO XANH

ĐÔNG NGHỊ

Hội nghị Bộ trưởng ASEAN về thể thao lần thứ 8 (AMMS 8) tại Hà Nội đã trở thành dấu mốc quan trọng, khẳng định tinh thần đoàn kết, hợp tác và khát vọng phát triển chung của thể thao khu vực, đánh dấu sáng kiến thể thao xanh để mở ra giai đoạn mà thể thao thực sự đóng góp vào phát triển bền vững.

ĐẨY MẠNH HỢP TÁC THỂ THAO ASEAN

Việc đăng cai AMMS 8 không chỉ là trách nhiệm trong cơ chế hợp tác thể thao ASEAN mà còn là cơ hội quan trọng để Việt Nam khẳng định vai trò, uy tín quốc tế; quảng bá hình ảnh đất nước, con người và thể thao Việt Nam đến bạn bè khu vực; tăng cường tình hữu nghị, sự hiểu biết lẫn nhau trong cộng đồng ASEAN.

Đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình hợp tác thể thao ASEAN, diễn ra trong bối cảnh khu vực đang hướng tới mô hình phát triển thể thao bền vững, gắn kết giữa thành tích, sức khỏe cộng đồng và hội nhập quốc tế. Không chỉ là những

hội nghị được tổ chức theo định kỳ, đây là cơ hội để ASEAN nhìn lại toàn bộ chặng đường hợp tác đã đi qua, khẳng định vai trò ngày càng lớn của thể thao trong xây dựng cộng đồng và định hình những ưu tiên mới cho giai đoạn phát triển bền vững.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được và những thách thức phía trước, hội nghị được kỳ vọng sẽ tạo bước chuyển quan trọng, giúp các thành viên trong khu vực Đông Nam Á củng cố bản sắc riêng trong lĩnh vực thể thao, đồng thời khẳng định tiếng nói mạnh mẽ hơn trên trường quốc tế. Sau hơn 10 năm ra đời, AMMS trở thành cơ chế hợp tác quan trọng, giúp gắn kết chính sách, hành động, cũng như tạo dựng sự đồng thuận trong phát triển thể thao giữa các nước ASEAN.

Trong những năm qua, các kỳ hội nghị bộ trưởng và quan chức cấp cao về thể thao đã có những đóng góp hết sức thiết thực vào tiến trình phát triển của thể thao khu vực, trong đó, các quốc gia đã cùng nhau chia sẻ những kinh nghiệm từ thể thao thành tích cao tới thể thao cho mọi người, từ đẩy mạnh phong trào Olympic tới thể thao trong học đường, bên cạnh đó

là sự cam kết về bình đẳng giới trong thể thao, phòng chống doping.

Trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, thể thao khu vực Đông Nam Á đã có sự tiến bộ rõ rệt trong những năm qua, chất lượng của các kỳ SEA Games, ASEAN Paragames, đặc biệt là về công tác tổ chức đã không ngừng được nâng lên. Bên cạnh đó, nhiều vận động viên Đông Nam Á cũng đã giành được những tấm huy chương tại các đấu trường Olympic và Á vận hội.

VIỆT NAM THỰC ĐẨY SÁNG KIẾN THỂ THAO XANH

Hội nghị AMMS 8 lần này cũng định hướng thể thao góp phần trực tiếp cho phát triển bền vững. Chiến lược đó hướng tới phát triển trọng tâm, trọng điểm, các môn thể thao Olympic và Á vận hội, cũng như vì một cộng đồng ASEAN mạnh khỏe, tất cả mọi người đều tham gia thể thao, kể cả những người yếu thể trong xã hội, vì một cộng đồng chung, vì một nền thể thao xanh, phát triển, vì hòa bình, hữu nghị trong khu vực. Việt Nam nhận thức rõ ràng rằng, để thể thao thực sự trở thành động lực phát triển văn hóa - xã hội và gắn kết cộng đồng, yếu tố bền vững và thân thiện với môi trường phải được đặt ở vị trí trung tâm.

Với sáng kiến "Thể thao xanh", Việt Nam mong muốn góp phần hiện thực hóa tầm nhìn cộng đồng ASEAN 2045, xây dựng một cộng đồng kiên cường, hòa nhập và bền vững, nơi thể thao không chỉ là thành tích mà còn là trách nhiệm với xã hội và môi trường. Việt Nam tin rằng, mỗi hành động xanh, dù nhỏ bé, cũng là một bước tiến lớn để cùng ASEAN kiến tạo một tương lai chung bền vững.

Thể thao bền vững không chỉ là về huy chương hay thành tích, mà còn là về con người, văn hóa và sự gắn kết. Với tinh thần "Một ASEAN đoàn kết và năng động", với sự đồng lòng của tất cả các quốc gia thành viên, hứa hẹn sẽ xây dựng được một cộng đồng thể thao ASEAN năng động, sáng tạo và bền vững, góp phần vào sự thịnh vượng chung của khu vực.

Về với mẹ...

 ĐỖ LAN

Mỗi lần đi chợ, nhìn thấy người ta bán bó rau lang, mớ ớt xanh, chai mắm nêm... lòng tôi lại bồi hồi nhớ về mẹ.

Mẹ tôi là một phụ nữ nông dân tần tảo, cả đời chưa từng biết đến sinh nhật là gì, chưa từng nhận một đóa hoa hồng lãng mạn trong ngày lễ, và có lẽ cũng chưa từng được mặc chiếc áo mới tinh tươm đón Tết đúng nghĩa. Cuộc đời mẹ là những tháng ngày nối tiếp nhau dầm mình trong khốn khó để nuôi chúng tôi khôn lớn thành người.

Nhà đông con, cuộc sống ngày trước thiếu thốn đủ bề, bởi thế nên cái gì mẹ cũng phải tiết kiệm từng tí một. Đồng tiền càng eo hẹp, cả năm chỉ trông chờ vào vụ thu hoạch cà phê, cho nên một năm nhà tôi có đến... mấy mùa “đói giáp hạt”. Mẹ cầm trên tay mấy đồng lẻ ra chợ nhưng phải oằn mình “công” đến cả chục miếng ăn. Thành ra, thực phẩm chủ yếu là các loại rau mẹ tự trồng trong vườn nhà, mọc dại trên rẫy cà phê, mùa nào thức ấy. Nhưng, những đợt rau lang và ớt cay thì quanh năm suốt tháng được mẹ chăm sóc tốt, nhà tôi hầu như không lúc nào thiếu.

Bữa cơm dọn ra có món đợt lang luộc chấm với chén mắm nêm dầm ớt trở thành món ăn truyền thống của gia đình. Món của nhà nghèo nhưng tụi con nít trong nhà ăn mãi không biết chán.

Ngày trước, mẹ hay bảo: “Rau lang luộc nhìn vậy nhưng kén lửa lắm. Nếu để lửa to, không đều thì rau dễ bị đen, sượng, còn nếu luộc kỹ quá thì rau bị nhũ, bở và có vị hắc. Chỉ khi nào luộc canh lửa vừa chín tới thì rau mới ngọt, bùi được”. Tôi để ý thấy, mỗi khi nước sôi bùng, cho rau lang vào nồi, mẹ thường rắc một chút muối và cho thêm một ít dầu ăn để rau xanh, ăn vào có độ giòn, ngọt.

Khi nào ngán rau lang luộc thì mẹ chuyển sang rau lang xào tỏi rồi đến rau lang nấu canh với chút thịt băm. Nói chung, cả nhà chúng tôi được thưởng thức “rau lang toàn tập” của mẹ. Ba thì góp thêm lời: “Ăn rau lang cho nhuận tràng, rất tốt cho sức khỏe các con á”. Duy chỉ có mẹ là cười xòa, bảo: “Đói ăn rau, đau uống thuốc, mẹ cũng muốn đổi món lắm, nhưng...”.

Một món ăn “đặc sản” nữa mà anh em chúng tôi không thể nào quên là món canh lá ớt của mẹ. Thường thì không thịt, không tôm, cũng chẳng cầu kỳ, chỉ cần ít ngọn ớt non vừa hái trên cây cho vào nồi nước sôi, thêm chút “gia vị” tình thương của mẹ, thế mà suốt thời thơ ấu, trở thành món anh em chúng tôi thèm nhất mỗi khi trời mưa.

Nếu rau lang theo lời ba nói “ăn cho nhuận tràng” thì canh lá ớt ăn vào buổi chiều sẽ... tẩy được con giun trong bụng. Ngày trước, anh em đồng, nhà lại nghèo khó, chúng

tôi không được ba mẹ nghĩ đến việc mua thuốc để tẩy giun định kỳ, nhưng nồi canh lá ớt chính là “liều canh thay liều thuốc”. Chẳng biết có đúng không, nhưng nồi canh nóng, vị cay the, nước ngọt thanh, húp xì xụp để thấm cái hương vị cay tê nơi đầu lưỡi thì ngon phải biết. Hôm nào “sang” hơn, mẹ cho thêm chút thịt bò vào nấu cùng thì khỏi phải nói cái độ ngọt ngon, tụi trẻ con trong nhà húp vào đến đâu gặp được miếng thịt bò là sung sướng đến đó.

Nồi canh nóng chan cơm, có vị giòn ngọt, mùi thơm đặc trưng của đợt ớt non, thi thoảng cắn trúng quả ớt cay vừa kịp mừng vỏ trong nách lá thì cái nhân nhụy, nồng nã càng lặn vào người, vị cay nồng tan trong lưỡi khiến cả nhà ai nấy cũng lấm tấm mồ hôi, vừa ăn vừa khoái vì ngon và vì cay.

Ngoài món ăn đặc sản: rau lang với lá ớt, thì mắm nêm với ớt quả là hai thứ gia vị lúc nào cũng có sẵn trong nhà. Mẹ tôi người miền Trung nên những món mẹ nấu, hầu như món gì cũng cay. Nhà lúc nào cũng có hũ ớt ngâm muối để ăn trong những ngày mưa dầm. Nhất là để khử vị tanh của mắm nêm và khi ăn có cảm giác thêm phần thú vị thì ớt lại càng cần thiết.

Tụi con nít con nhà nông chúng tôi đứa nào cũng biết ăn cay từ nhỏ. Nhưng thực ra, trong nhà ai cũng hiểu: Biết ăn ớt chỉ để đánh lừa cái lưỡi, ăn cay để lừa vị giác, để quên đi sự đậm bạc khi thiếu thốn!

Cái khốn khó một thời rồi cũng qua. Rau lang với đợt ớt xanh của mẹ nuôi anh em chúng tôi khôn lớn thành người. Ba tôi thường cười, nói: “Ngon rau lang, lá ớt, hũ mắm nêm của mẹ tụi bây “công”... tới 6 tấm bằng đại học”.

Nhưng đợi đến khi 6 cử nhân ra trường, đi làm thì hình ảnh mẹ cặm cuì bên bếp lửa, nấu những món ăn nhà nghèo cũng không còn nữa.

Mẹ đi xa, những món ăn nhà nghèo luôn ngự trị trong tim. Sự thương nhớ luôn thường trực trong tâm khảm, không sao nguôi.

Thời gian trôi, khi có gia đình riêng, chúng tôi vẫn không thôi nhớ về những món ăn ngày ấy, nhớ hương vị khi còn có mẹ. Thi thoảng, cũng cố kiếm nguyên liệu, nấu một bữa cơm có rau lang luộc, có canh lá ớt, có chén mắm nêm... để như được về với mẹ.

Đó không phải là cao lương mỹ vị, mà là những món ăn giản dị, dân dã, được nấu bằng sự chất chiu của người mẹ nông dân và tình thương mẹ gửi gắm mà chúng tôi từng được ăn. Đó là tuyệt tác ẩm thực trong tim mỗi đứa con nhà nông.

...Trời tháng 10 năm nay, mưa dầm trút nước, bất chợt, lại càng thấy nhớ món ăn mẹ nấu, nhớ bữa cơm mẹ chờ. Quả thật, phúc báu lớn nhất trong đời là còn được có mẹ...